

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG 3A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 269/TTNL-3A

V/v: Công bố công khai thông tin

Đồng Nai, ngày 24 tháng 01 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Số:.....

ĐẾN Ngày: 29/01/2026

Chuyên:.....

Kính gửi: Sở xây dựng tỉnh Đồng Nai

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;

Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng 3A kính gửi Sở Xây dựng nội dung công bố công khai thông tin năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. (Đính kèm theo hồ sơ công bố thông tin).

Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và vật liệu xây dựng (Được chuyển đổi, kế thừa thiết bị, nhân sự, năng lực kinh nghiệm của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD1896).

Địa chỉ PTN: Số 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai .

Điện thoại: 0969.342.107; E Email: kiemdingh3a@gmail.com -Website :https://kiemdinghxaydung3a.com.

Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.
- Danh mục thiết bị, dụng cụ chủ yếu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.
- Danh sách Thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố.

Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng 3A chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của nội dung công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Phòng TN.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

HỒ SƠ CÔNG BỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

PHỤ LỤC HỒ SƠ

1. CÔNG BỐ CÔNG KHAI NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG.
2. DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ, THÍ NGHIỆM VIÊN KÈM THEO CÁC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN ĐƯỢC ĐÀO TẠO LIÊN QUAN
3. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH NGHIỆP VÀ GCN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH.
4. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG.
5. QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM TRƯỞNG PHÒNG – PHÓ PHÒNG THÍ NGHIỆM
6. DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN VÀ BẢN PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC CHO TỪNG CÁ NHÂN TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐÃ ĐƯỢC LÃNH ĐẠO PHÊ DUYỆT, KÈM THEO CÁC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ ĐƯỢC ĐÀO TẠO LIÊN QUAN.
7. DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐÃ ĐƯỢC LÃNH ĐẠO PHÊ DUYỆT .
8. DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ PHÒNG THÍ NGHIỆM.
9. HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÓA ĐƠN, CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI CÁC THIẾT BỊ ĐƯỢC ĐIỀU CHUYỂN TỪ CƠ QUAN KHÁC.
10. CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH/ HIỆU CHUẨN CÁC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM (CÒN HIỆU LỰC)
11. HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI TRƯỞNG, PHÓ PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN ĐĂNG KÝ TRONG HỒ SƠ.
12. HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ HOẶC GIẤY TỜ CHỨNG MINH QUYỀN SỬ DỤNG HỢP PHÁP ĐỊA ĐIỂM PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ BẢN VẼ MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ PTN (*Kích thước, vị trí đặt các thiết bị thí nghiệm, vị trí lưu mẫu, bảo dưỡng mẫu*).
13. SỔ TAY CHẤT LƯỢNG, CÁC QUY TRÌNH : (Quy trình lấy mẫu, lưu mẫu, bảo quản và mã hóa mẫu thí nghiệm; quy trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng; quy trình đào tạo; quy trình đào tạo; quy trình quản lý tài liệu kỹ thuật; quy trình quản lý, sử dụng, vận hành máy móc, trang thiết bị thí nghiệm; thủ tục, các biểu mẫu và các tài liệu liên quan).
14. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ).

**1. CÔNG BỐ CÔNG KHAI NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN
NGÀNH XÂY DỰNG**

Đồng Nai, ngày 24 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC

HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây Dựng Tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 2001337296 đăng ký lần đầu ngày 02/10/2020 và thay đổi lần thứ 2 ngày 11/08/2025 do Sở tài chính tỉnh Đồng Nai phòng đăng ký kinh doanh cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Mã số thuế : 2001337296

- Người đại diện pháp luật : MAI DUY AN Chức vụ : Giám Đốc

- Điện thoại: 0969.342.107 - Email: kiemdinh3a@gmail.com - Website : <https://kiemdinhxaydung3a.com>

1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: **PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

- Địa chỉ PTN : Số 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai .

- Trưởng phòng : NGUYỄN THANH LONG

- Điện thoại: 0962.058.643 - Email: kiemdinh3a@gmail.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD1896 do bộ xây dựng cấp giấy chứng nhận số : 21/GCN-BXD ngày 29/01/2021)

Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng (đăng tải website);
- Lưu VT, (NS PTN) ngày 24/01/2026)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

GIÁM ĐỐC



MAI DUY AN

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CÔNG BỐ CỦA
PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo công bố số 1896/TTNL-3A, ngày 24/01/2026 của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A)

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
I.	THỬ NGHIỆM XI MĂNG		
1.	Xác định độ mịn bằng phương pháp sàng, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188 – 25, ASTM C430-25 ; AASHTO T133 - 22, ASHTO T192 - 23	Sàng (kích thước mắt 0,09; 0.08; 0.045mm), cân điện tử 5200g/0.01g và cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy 300 ^o C/1 ^o C, Bình khối lượng riêng cổ cao, bể điều nhiệt
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011; ASTM C109/109M -24	Máy nén hiệu TYA-300 300kN/0,01 số : 311220-1, tủ dưỡng mẫu xi măng model: YH-40B
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012; ASTM C187 - 23, ASTM C191-21; AASHTO T131 - 23	Máy trộn vữa, bộ dụng cụ Vicat bao gồm kim xuyên độ dẻo tiêu chuẩn (10,00 ± 0,05) mm, kim xuyên bắt đầu đông kết (1,13 ± 0,05) mm, kim xuyên kết thúc đông kết có gắn sẵn vòng nhỏ có đường kính khoảng 5 mm (chảo trộn, bay trộn hồ, Cân điện tử RC21P30 30kg/5g, ống đong, đồng hồ bấm giây.
4.	Xác định hàm lượng mất khi nung, cặn không tan, MgO, SO ₃	TCVN 141:2023; ASTM C114-24	Lò nung 1200 ^o C/ 1 ^o C, Model : SX2- 4, cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, , máy đo pH, tủ hút, chén sứ, bếp điện, bếp cách cát, bình hút ẩm, bình định mức, pipet, Buret, giấy lọc, ống đong, cối chày đồng, sàng 0,15mm, hóa chất : ZnO; (HNO ₃); (HF), Axêton, nước cất; HCl đậm đặc; NaOH; H ₄ NO ₃ , H ₃ P ₀₄ , NH ₄ OH; H ₂ S ₀₄ , CH ₃ COOH, NaOH, KOH; BaCl ₂ , NaF, AgN ₀₃ , Zinc; ZnSO ₄ .7H ₂ O.

II. THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
5.	Thí nghiệm lựa chọn thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, Cân điện tử RC21P30 30kg/5g, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
6.	Thí nghiệm lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, Cân điện tử RC21P30 30kg/5g, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
7.	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C31/C31M-25a; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
8.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C143/C143M- 20 AASHTO T119M/T119 - 23 BS EN 12350-2 : 2019	Côn thử độ sụt + tấm đế , que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 500mm, đồng hồ bấm giây.
9.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông sau khi đầm chặt	TCVN 3108:1993 ASTM C138/138M - 24a AASHTO T121M/T121-24 BS EN 12350-6 : 2019	Thùng kim loại 5l, 10l,20l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, Cân điện tử RC21P30 30kg/5g , dao thép gạt mẫu, búa cao su
10.	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	Cân điện tử RC21P30 30kg/5g, tủ sấy 300 ^o c/0.1 °C, sàng 5mm ;1.25mm, 0.15mm, bay xẻng xúc
11.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022 ASTM C642-21 BS EN 12390-7:2019	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, Cân điện tử 6000g/0.2g, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 300 ^o c /0.1 °C, sàng 5mm ;1.25,0.125mm , nước cất, bình hút ẩm.
12.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022 ; ASTM C642 - 21	Cân điện tử 6000g/0.2g, thùng ngâm mẫu, tủ sấy 300 ^o c /0.1 °C, khăn lau, bàn chải, đá mài.
13.	Khối lượng thể tích của bê tông xi măng	TCVN 3115:2022; ASTM C642 -21	Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, thước thép; tủ sấy, bình hút ẩm, thùng kín, sập

			paraphin
14.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm model : HP -4, bàn chải sắt, paraphin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.
15.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M-24 AASHTO T22M/T22-22 BS EN 12390-3:2019	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), số : 2511645 thước lá kim loại, đệm truyền tải
16.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; ASTM C496/C496M-17; AASHTO T198-22	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN) số : 2511645, giá ép chế
III.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GÓC		
17.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...
18.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM136/C136M - 25; AASHTO T27 - 24; BS EN 933-1 : 2012	Cân điện tử 6000g/0.2g, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng 50;37.5;25;19;16;12.5;9.5;4.7 5;2.36;1.18;0.425; 5; 2,5;1,25;0,63;0,315; 0,14mm); tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 °C
19.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C128 - 25; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22; BS EN 1097 -6 : 2022	Bình khối lượng riêng, Cân điện tử 6000g/0.2g, bình hút ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 °C, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã nã, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm
20.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014 AASHTO T85 - 22	Cân điện tử 6000g/0.2g, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C.
21.	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29/C29M-23 ; AASHTO T19M/T19 -22; BS EN 1097 -3:1998	Thùng đong, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 °C, thước lá kim loại.
22.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C566 - 19 ; ASHTO T255 - 25	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1°C, hộp đựng mẫu.

23.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117-23 ASTM C142/C142M-17(2023); AASHTO T112-23; BS EN 933-1:2012	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300°C/0.1°C, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.
24.	Xác định tạp chất hữu cơ phương pháp so màu	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Bản màu chuẩn so sánh, ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân điện tử 6000g/0.2g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.
25.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10324 : 2014 ASTM D7012 - 23	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số : 2511645, máy khoan, Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu.
26.	Xác định độ nén đập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số : 2511645, xi lanh bằng thép đk 75mm, 150mm, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, sàng tiêu chuẩn 5mm; 2.5mm; 1,25mm, tủ sấy đến 300°C/0.1°C, thùng ngâm mẫu.
27.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131/C131M – 20; AASHTO T96-22	Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300°C/0.1°C, máy quay mài mòn Los Angeles.
28.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791-19(2023) BS EN 933-3:2012 BS EN 933-4:2009	Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300°C/0.1°C
29.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	Cân điện tử 6000g/0.2g và cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300°C/0.1°C, lò nung 1200°C/1°C, cối chày đồng, Bình phản ứng bằng thép không rỉ.
30.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN7572-15:2006	Cân điện tử 6000g/0.2g và cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300°C/0.1°C, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn 0.14mm, máy hút chân không, bếp cách điện, giấy lọc, chén sứ, hóa chất HCL, HF, NaOH,

31.	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Thùng đóng (D154±2mm, cao 160±2mm), Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, tủ sấy 300 ⁰ C (±1 °C) có điều chỉnh nhiệt độ, thước lá kim loại, thước gạt mẫu dài 300mm, sàng kích thước 5mm
32.	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân điện tử 6000g/0.2g và cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, lò nung 1200 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày đồng, bếp điện, sàng 5mm, bình định mức 1000ml, cốc, nén nung, hóa chất chỉ thị bari clorua, mety đỏ .
33.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.
34.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân điện tử 6000g/0.2g, kính lúp
35.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.
36.	Xác định độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sunfat hoặc magnesi sunfat	TCVN 7572-22:2018 ASTM C88/C88M-24 AASHTO T104-22	Cân điện tử 6000g/0.2g, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thau đựng mẫu ngâm hóa chất, thuốc thử....
37.	Xác định hàm lượng vỏ sò trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754 : 2023	Tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, sàng 5mm, ống đóng 1000ml, đĩa thủy tinh, dung dịch axit clohydric, cốc thủy tinh 2000ml.
38.	Xác định hệ số đương lượng cát ES	ASTM D2419-22; AASHTO T176 -22	Cân điện tử 6000g/0.2g, que thủy tinh, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C ;Ống đóng 1000ml, bộ sàng tiêu chuẩn, thuốc thử,...
39.	Xác định hàm lượng hạt nhẹ	ASTM C123/C123M-23 AASHTO T113- 22	Cân điện tử 6000g/0.2g, que thủy tinh, Tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, bộ sàng tiêu chuẩn, hóa chất
40.	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 9205: 2012; ASTM C117 - 23;	Cân điện tử 6000g/0.2g, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy đến

		AASHTO T11 - 24 TCVN 14135-4 : 2024	300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, sàng tiêu chuẩn 0.075mm
IV.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG		
41.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa
42.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-22	Cân điện tử 6000g/0.2g, bình tỷ trọng, cối chà sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, bếp cách cát, chất phân tán hạt
43.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-22	Cân điện tử 6000g/0.2g, Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, cối chà sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)
44.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chà sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C
45.	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	Cân điện tử 6000g/0.2g, bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 0,25, 0,1mm), cối và chà sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.
46.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chà đầm tiêu chuẩn, cải tiến, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, Cân điện tử 6000g/0.2g, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C), hộp nhôm
47.	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân điện tử 5200g/0.01g, các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 ⁰ c/0.1 °C, bình hút ẩm.
48.	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO T193-22	Máy nén CBR/Marshall LWD-3A -50kN, khuôn CBR + tấm gia tải, đồng hồ so đo trương nở, bộ cối chà đầm CBR, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), Cân điện tử RC21P30

			30kg/1g, Cân điện tử 6000g/0.2g, sàng tiêu chuẩn (50; 19; 4.75mm), hộp đựng ẩm.
49.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22, AASHTO T180-22	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, Cân điện tử 6000g/0.2g, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300°C/0.1°C), hộp nhôm
50.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	AASHTO T267-22; ASTM D2974-25	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300°C/0.1°C, lò nung 1200°C/1°C, búa, cối chày, bình định mức, thuốc thử Dung dịch Hydroperoxit (H ₂ O ₂) nồng độ 10 % đến 15 %.
51.	Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất	TCVN 8724:2012	Dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của đất
52.	Xác định hàm lượng muối dễ hòa tan.	TCVN 8727:2012 TCVN 9436:2012 (phụ lục D)	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300°C/1°C, lò nung 1200°C/1°C, búa, cối chày, bình định mức, thuốc thử Dung dịch Hydroperoxit (H ₂ O ₂) nồng độ 10 % đến 15 %.
53.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300°C/0.1°C, cối đầm tiêu chuẩn, sàng 2.5mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây...
v.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN		
54.	Thử kéo (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm)	TCVN 197-1:2014 ASTM A370 -24a ASTM E8/E8M-24 JIS Z2241:2022 AASHTO T68M/T68 - 09	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, bộ ngàm kéo, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, thước thép 1000mm.
55.	Thử uốn (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm)	TCVN 198:2008 TCVN 7937 -1 :2013 TCVN 7937 -2 :2013 TCVN 7937 -3 :2013	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, bộ gối uốn

		ASTM A370 -24a JIS Z2248:2022; ASTM E290 -22	
56.	Đo các đặc trưng hình học và xác định sai lệch khối lượng danh nghĩa một mét dài (thanh, dây và sợi làm cốt, thép dự ứng lực)	TCVN 7937 -1 :2013 TCVN 7937 -3 :2013	Thước thép 1000mm, thước kẹp điện tử 300mm/0.01mm
57.	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190 -21	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, thước thép 1000mm
58.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, thước thép 1000mm
59.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, thước thép 1000mm
60.	Thử kéo dây kim loại	TCVN 1824:1993 ASTM A370 -24a	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, thước thép 1000mm
61.	Thử cấp độ bền kéo bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370-24a, ASTM F606/F606M-25	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm; bộ chuông kéo bu lông
62.	Thử nghiệm thép thanh cốt bê tông - thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm; thước thép 1000mm, bộ gối uốn
63.	Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống kim loại	TCVN 314:2008, TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24a	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm; thước thép 1000mm, bộ ngàm kéo
64.	Thử kéo, thử uốn mối hàn lưới kim loại	TCVN 7937-2:2013, TCVN 197-1:2014	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm; thước thép 1000mm, bộ ngàm kéo + uốn

65.	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren (coupler)	TCVN 13711-2:2023; TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24a	Máy thử kéo – nén WA-1000 (0-1000 kN), số : 1810288X, ngàm kẹp kéo , thước thép 1000mm.
VI.	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY, VỮA RÓT KHÔNG CO NGÓT, VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC		
66.	Xác định tra kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, bộ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm; 0,14mm
67.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437-20	Bàn dẫn thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép, chảo sắt, xẻng con, bay, khuôn hình côn đường kính đáy lớn 100mm, đáy nhỏ 75mm, cao 60mm, dày 2mm.
68.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Bình đong 1000ml, Cân điện tử 6000g/0.2g
69.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300 ⁰ c/0.1 ⁰ °C , thước kẹp điện tử 300mm/0.2
70.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022, ASTM C109/C109M-24; ASTM C942/C942M-21; ASTM C348-21, ASTM C349-24; AASHTO T 106M/T 106 - 22	Máy thử nén model: TYA-300kN/0.1kN Serial : 311220-1, gối uốn, gối nén
71.	Xác định độ hút nước	TCVN 3121-18:2022	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300 ⁰ c/0.1 ⁰ °C , đồng hồ bấm dây, tủ dưỡng ẩm
VII.	THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
72.	Xác định váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012	Quan sát bằng mắt
73.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g , Tủ sấy 300 ⁰ c /0.1 ⁰ °C, lò nung 1200 ⁰ c, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, giấy lọc không tro, phễu lọc.
74.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, Tủ sấy 300 ⁰ c /0.1 ⁰ °C), lò nung 1200 ⁰ c, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, giấy lọc không tro, phễu lọc.

75.	Độ pH của nước	TCVN 6492:2011; ASTM D1293 - 18	Bút thử pH (HANNA HI98107 (0-14pH), độ chính xác $\pm 0,1$ pH) hay máy xác định độ pH, dung dịch chuẩn độ Ph trước khi đo
76.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Clo)	TCVN 6194:1996	Phễu lọc thủy tinh 30ml, Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, ống nghiệm, Buret dung tích 25ml, thuốc thử : AgNO ₃ , chất chỉ thị kali cromat, HCl, NaOH, CaCO ₃ hoặc NaHCO ₃
77.	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200 :1996 ASTM D516 - 22	Phễu lọc thủy tinh 30ml, Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g, ống nghiệm, Buret dung tích 25ml, thuốc thử : AgNO ₃ , chất chỉ thị metyl da cam, HN03, NaOH, C ₂ H ₅ OH Na ₂ CO ₃
78.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Ống nghiệm có chiều dài từ 150÷200mm, bình đong dung tích 100ml và 1000ml, Buret dung tích 5ml, 10ml.
VIII. THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
79.	Xác định khối lượng thể tích của đất, độ chặt đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, ASTM D2937 -24	Dao dai tròn bằng thép, Cân điện tử 6000g/0.2g, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, tủ sấy 300 ^o C/0.1 ^o C
80.	Xác định khối lượng thể tích của đất, độ chặt đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; AASHTO T191-14 (2022) 22 TCN 346 : 2006 ASTM D1556/D1556M-24	Phễu rót cát, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, Cân điện tử 6000g/0.2g, bếp ga, tủ sấy 300 ^o C/0.1 ^o C
81.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nệm đo khe hở, cọ quét
82.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-15(2024)	Bộ đo nhám mặt đường
83.	Xác định môđun đàn hồi “E” chung của kết cấu áo đường bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2025	Tấm ép đk 33cm, kích thủy lực 0÷320kN, đồng hồ áp (0-60)MPa, đồng hồ so 10mm
84.	Xác định modul đàn hồi “E” nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép đk 76;61;46;33cm, kích thủy lực 0÷320kN, đồng hồ áp (0-60)MPa, đồng hồ so 10mm
85.	Xác định mô đun biến dạng tại	TCVN 9354:2012	Tấm ép phẳng , Kích thủy lực

	hiện trường bằng tấm nén phẳng		1000 kN, đồng hồ áp (0-60)MPa; đồng hồ so 0÷50mm
86.	Thí nghiệm sức chịu tải cọc bằng phương pháp sử dụng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143/D1143M-20	Kích thủy lực 1000 kN, đồng hồ áp (0-60)MPa, đồng hồ so 0÷50mm
87.	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012; ASTM C805/C805M -25	Thiết bị thử độ cứng bê tông
88.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCVN 10303:2014; ASTM C42/C42M-20	Máy thử nén model: TYA-300kN/0.1kN số : 311220-1, Thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, máy khoan.
IX. PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG			
89.	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2024	Hộp đựng mẫu có nắp, bình hút ẩm, pipet 5 ml, tủ sấy 300 ⁰ C /0.1 ⁰ C , cát tiêu chuẩn, Cân điện tử 6000g/0.2g,
90.	Xác định hàm lượng tro	TCVN 8826:2024	Bình hút ẩm, bếp cách thủy, lò nung 1200 ⁰ c, Cân phân tích FPA214 210g/0,0001g
91.	Xác định tỷ trọng	TCVN 8826:2024	Ống hình trụ 500 ml, tỉ trọng kế số : AMAH801364 thang đo (1,000-1,2000); vạch chia 0.002g/cm ³
92.	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012	Bút đo Ph , độ chính xác ± 0,1pH), dung dịch chuẩn trước khi đo
X. THỬ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG			
93.	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thước lá.
94.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy thử nén model: TYA-300kN/0.1kN số : 311220-1, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm
95.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén model: TYA-300kN/0.1kN số : 311220-1, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm
96.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu...
97.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, thước lá kim loại...
98.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân điện tử 6000g/0.2g, thùng

			chứa mẫu, tấm kính, cát .
XI. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG			
99.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, thước lá.
100.	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân điện tử RC21P30 30kg/1g thùng chứa mẫu, tấm kính, cát ...
101.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, số : 2511645, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm
102.	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử độ thấm và bể ngâm mẫu, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g
103.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu...
XII. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
104.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Thước cặp điện tử 150mm/0.01mm, thước lá.
105.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN số : 2312760, thước cặp điện tử 150mm/0.01mm
106.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6355-4:2009	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/0.1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu...
XIII. THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ			
107.	Xác định kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước, độ phẳng mặt thẳng cạnh	TCVN 9030:2017	Thước thép dài 1000mm/1mm, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, thước đo góc.
108.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu...
109.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy thử nén model: TYE-2000kN/0.1kN số : 2511645, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm
110.	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	Thước thép dài 1000mm/1mm, thước cặp điện

			từ 300mm/0.01mm, Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300°C/1°C
XIV.	THỬ NGHIỆM BITUM (NHỰA ĐƯỜNG), NHỰA ĐƯỜNG POLYME		
111.	Lấy mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM D140/D140M-16(2023)	Dụng cụ lấy mẫu: cân nhựa
112.	Xác định độ kim lún Xác định chỉ số độ kim lún (PI)	TCVN 7495:2005, TCVN 13567-1:2022 (Phụ lục A.2) ; ASTM D5/D5M-20	Máy đo độ kim lún Model: Model: SZR -3, độ xuyên 0-35mm, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế điện tử 300°C
113.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113/D113M-17(2023)e1; AASHTO T51-22	Máy kéo dài Model : SY-1.5 , khuôn tạo mẫu bằng đồng, nhiệt kế , bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa
114.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36/D36M-14(2020); AASHTO T53-22	Thiết bị hóa mềm Model: MR-2806E, bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế điện tử 300°C, nước cất.
115.	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005; ASTM D92-24, ASTM D3143/D3143M-19 ; AASHTO T48-22	Thiết bị cốc hở Cleveland Model : SYD-3536
116.	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6/D6M-95(2024) TCVN 11711:2017	Cân điện tử 6000g/0.2g, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy đến 300°C (±1 °C)
117.	Xác định độ hòa tan trong Tricloetylen và N-Propyl Bromide	TCVN 7500:2023; AASHTO T44-23; ASTM D2042-25; ASTM D7553-15(2021)	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, tủ sấy, bình hút ẩm, Cân phân tích Model : FPA214 220g/0.0001g
118.	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D70/D70M-21	Bình tỷ trọng kế, Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy đến 300°C (±1 °C), nhiệt kế điện tử 300°C, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá
119.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625/D3625M-20	Bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế.
XV.	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
120.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927-22; AASHTO T245-22;	Máy Marshall (50kN) Model : LWD-3A , khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến

			dạng 10mm/0.01mm, tủ sấy 300°C/1°C, bể ổn nhiệt duy trì 60°C, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, thước cặp 300mm/0.01mm, nhiệt kế điện tử.
121.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164-24; ASTM D2172/D2172M-24	Máy quay ly tâm tách nhựa, Giấy lọc, tủ sấy 300°C/1°C, bếp điện, lò nung 1200°C/1°C model : SX2-4-10, khay đựng mẫu, Cân kỹ thuật 3000g/0.1g, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...
122.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ; AASHTO T27-24; ASTM C136/C136M-19	Bộ sàng (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075), tủ sấy 300°C/1°C, bếp điện, khay đựng mẫu, Cân kỹ thuật 6000g/0.2g
123.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041/D2041M -19; AASHTO T209-23	Bình đựng mẫu, Cân điện tử RC21P30 30kg/1g, Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy 300°C/1°C, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế điện tử .
124.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726/D2726M-21; ASTM D1188-22 AASHTO T166-24; AASHTO T275-22	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy 300°C/1°C, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế...
125.	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM D6390-23; AASHTO T305-22	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, Cân điện tử 6000g/0.2g, bay chảo trộn mẫu
126.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011 AASHTO T304-22	ống đong 100ml, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, Cân điện tử 6000g/0.2g
127.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, Cân điện tử 6000g/0.2g, bàn cân thủy tĩnh+ chậu cân mẫu, giỏ đựng mẫu cân trong nước
128.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269-24; ASTM D3203-22	Bình đựng mẫu, Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy 300°C/1°C, khay sấy mẫu, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...

129.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy 300°C/1°C, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế, giẻ lau...
130.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân điện tử 6000g/0.2g, tủ sấy 300°C/1°C, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...
131.	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011	Máy Marshall (50kN) Model : LWD-3A : khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng 10mm/0.01mm, tủ sấy 300°C/1°C, bể ổn nhiệt duy trì 60°C, Thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, Cân điện tử 6000g/0.2g
132.	Thí nghiệm xác định thành phần cấp phối bê tông nhựa nóng theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	Phương pháp tính toán
XVI.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
133.	Xác định thành phần hạt của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020 AASHTO T37 – 07(2020)	Bộ sàng tiêu chuẩn (0.6; 0.3; 0.15; 0.075mm), Cân điện tử 6000g/0.2g, bát sứ, chày bịt cao su, cọ quét, bình hút ẩm
134.	Xác định độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	Cân điện tử 6000g/0.2g, chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300°C (±1 °C), khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm
135.	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	Dụng cụ Casagrande, tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, cân kỹ thuật HL5202B 5200g/0.01g, cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy đến 300°C, dao để trộn
136.	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735:2012 AASHTO T100-22	Bình khối lượng riêng 100ml, cân kỹ thuật HL5202B 5200g (0.01g), máy hút chân không, tủ sấy đến 300°C (±1 °C), sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa, khăn giấy lau, bếp cách cát.
137.	Xác định hệ số thích nước của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật HL5202B 5200g (0.01g), tủ sấy đến 300°C (±1 °C), chén sứ, chày có bịt cao su, ống đo 50ml, que thủy tinh, nước cất, dầu hỏa.

XVII. THỬ NGHIỆM CỌC BÊ TÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC (THỬ NGHIỆM TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT)			
138.	Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7888:2014; JIS A5373 : 2016	Thước thép 500mm, 1000mm (1mm), thước đo góc, bộ thước căng lá, thước kẹp điện tử 300/0.01mm
139.	Kiểm tra độ bền uốn nứt, uốn gãy thân cọc ứng suất trước	TCVN 7888:2014; JIS A5373 : 2016	Kích thủy lực 0÷100 tấn, đồng hồ so 0÷50mm, , đế từ nam châm, thước thép 500mm,1000mm, Thước cặp điện tử 300mm/0.01mm
140.	Kiểm tra độ bền uốn mối nối cọc ứng suất trước	TCVN 7888:2014; JIS A5373 : 2016	Kích thủy lực 0÷100 tấn, bơm kích , đồng hồ 50mm, đế từ nam châm, thước thép 500mm,1000mm, Thước cặp điện tử 300mm/0.01mm.
141.	Kiểm tra độ bền cắt thân cọc ứng suất trước	TCVN 7888:2014; JIS A5373 : 2016	Kích thủy lực 0÷100 tấn, đồng hồ so 50mm, đế từ nam châm, thước thép 500mm,1000mm, Thước cặp điện tử 300mm/0.01mm
142.	Kiểm tra độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục cọc ứng suất trước	TCVN 7888:2014; JIS A5373 : 2016	Kích thủy lực 0÷100 tấn, đồng hồ so 50mm, đế từ nam châm, thước thép 500mm,1000mm, Thước cặp điện tử 300mm/0.01mm
XVIII. THỬ NGHIỆM CÔNG HỢP BÊ TÔNG CỐT THÉP (THỬ NGHIỆM TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT)			
143.	Xác định khuyết tật ngoại quan	TCVN 9116:2012	Thước thép 500mm, 1000mm (1mm), thước đo góc, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, bộ thước căn lá
144.	Xác định kích thước và độ sai lệch kích thước	TCVN 9116:2012	Thước thép 500mm, 1000mm (1mm), thước đo góc, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, búa đục
145.	Xác định khả năng chống thấm nước	TCVN 9116:2012	Tấm thép hoặc tấm tole phẳng lót đế, đồng hồ bấm giây, bột matit bitum dùng để trám
146.	Xác định khả năng chịu tải của đốt công	TCVN 9116:2012	Kích thủy lực 0÷100 tấn, bộ thước căn lá.
XIX. THỬ NGHIỆM ỐNG CÔNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC (THỬ NGHIỆM TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT)			
147.	Xác định khuyết tật ngoại quan	TCVN 9113:2012	Thước thép 500mm, 1000mm (1mm), thước đo góc, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm,

			bộ thước căn lá
148.	Xác định kích thước và độ sai lệch kích thước	TCVN 9113:2012	Thước thép 500mm, 1000mm (1mm), thước đo góc, thước cặp điện tử 300mm/0.01mm, búa đục
149.	Xác định khả năng chống thấm nước	TCVN 9113:2012	Tấm thép hoặc tấm tole phẳng lót đế, đồng hồ bấm giây, bột matit bitum dùng để trám
150.	Xác định khả năng chịu tải của dốt công	TCVN 9113:2012	Kích thủy lực 0÷100 tấn, bộ thước căn lá.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC DỤNG CỤ , MÁY MÓC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CÔNG BỐ

(Kèm theo công bố số: 1896/TTNL-3A ngày 24/01/2026 của Công ty Cổ phần Kiểm Định Xây Dựng 3A)

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	NƠI ĐẶT TB TN	GHI CHÚ
I	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA XI MĂNG						
1	Bàn dẫn đúc mẫu xi măng	Máy	1	Model : ZS-15 Serial :	China	VP PTN	
2	Sàng D300 0.09; 0.08;0.045mm	cái	3		China	VP PTN	
3	Thùng lọc mẫu xác định độ ổn định thể tích xi măng	cái	1	Model : FZ - 31A, Serial : 60306	Việt Nam	VP PTN	
4	Bộ vicat & đông kết xi măng	bộ	1		China	VP PTN	
5	Máy trộn vữa XM JJ-5	Máy	1	Model : JJ5 Serial :	China	VP PTN	
6	Khuôn đúc mẫu XM 50x50x50mm	Khuôn	1		China	VP PTN	
7	Khuôn đúc mẫu XM 40x40x160mm	Khuôn	1		Việt Nam	VP PTN	
8	Khuôn xác định thời gian đông kết xi măng	Khuôn	2		China	VP PTN	
9	Gối uốn vữa	Cái	1		China	VP PTN	
10	Gối nén vữa	Cái	1		China	VP PTN	
11	Bàn dẫn quay tay	Cái	1		China	VP PTN	
12	Khuôn le chartelier đúc mẫu xi măng	Khuôn	3		China	VP PTN	
13	Bình xác định khối lượng riêng cổ cao 250ml	Bình	2		China	VP PTN	
14	Tủ dưỡng hộ xi măng kiểu : HBY -40B	Tủ	1	Model : YH-40B, Serial : 240368	China	VP PTN	
15	Bình hút ẩm D240 có vòi	Bình	1		China	VP PTN	
16	Lò nung 1200 ^o c SX 4-10	Cái	1	Model : SX 4-10; phạm vi đo (0-1200 ^o c), serial: 240341	China	VP PTN	

17	Máy nén vữa TYA - 300	Máy	1	Model : TYA - 300; Thang đo 1: (0-30kN), d= 0.1kN; Thang đo 2: (0-30kN), d= 0.1kN ; Serial : 311220-1	China	VP PTN	
18	Tủ sấy Model : 101-1	Cái	1	Model : 101-1; phạm vi đo (+10-300 ⁰ c), d=±1 ⁰ c, serial: 215	China	VP PTN	
II THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG							
19	Máy nén bê tông TYA - 2000	Máy	1	Model : TYA - 2000; Thang đo 1: (0-2000kN), d= 0.1kN; Serial : 2511645	China	VP PTN	
20	Máy nén bê tông TYA - 2000	Máy	1	Model : TYA - 2000; Thang đo 1: (0-2000kN), d= 0.1kN; Serial : 2511644	China	VP PTN	
21	Máy trộn bê tông (250 lít)	Máy	1	Model : CT350T	Việt Nam	VP PTN	
22	Bộ thử độ sụt bê tông Tấm đế + que chọc	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
23	Khuôn bê tông 150x150x150	Khuôn	6		Việt Nam	VP PTN	
24	Khuôn mẫu trụ 150x300, nhựa	Khuôn	3		Việt Nam	VP PTN	
25	Khuôn ép chẻ bê tông mẫu trụ 150x300	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
26	Máy thử thấm bê tông	Máy	1	Model : HS-4	China	VP PTN	
III THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA							
27	Bộ cân thử độ ẩm cốt liệu	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
28	Bảng so màu tiêu chuẩn cốt liệu	Bảng	1		China	VP PTN	
29	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp cát 1 lít	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
30	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 5 lít	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
31	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 10 lít	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
32	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 20 lít	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	

33	Bộ đo góc cạnh cốt liệu thô	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
34	Bộ bình phản ứng kiểm silic	Bộ	3		Việt Nam	VP PTN
35	Thước kẹp cải tiến đo thoi dẹt 200mm/0.02	cây	1	Serial :2018597	China	VP PTN
36	Bộ sàng cốt liệu lớn (đá bê tông): D300 ;40;20;15;10;5mm (đáy + nắp)	Bộ	1		China	VP PTN
37	Bộ sàng cốt liệu nhỏ (sàng cát) : D300 ;5;2.5;1.25;0.63;0.315;0.14mm (đáy + nắp)	Bộ	1		China	VP PTN
38	Bộ sàng cốt liệu lớn cấp phối đá dăm và sỏi đỏ : D300 : 50;37.5;25;19;9.5;4.75;2.36;1.7;0.425;0.075mm (đáy + nắp)	Bộ	1		China	VP PTN
39	Bộ sàng cốt liệu bê tông nhựa : D300 : 37.5;25;19;16;12.5;9.5;4.75;2.36 ;1.18;0.6;0.3;0.15;0.075mm (đáy + nắp)	Bộ	1		China	VP PTN
40	Khuôn nén đập xi lanh D75mm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
41	Khuôn nén đập xi lanh D150mm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
42	Máy mài mòn Los Angeles	Máy	1	Model : 2018600	Việt Nam	VP PTN
43	Bình rửa bụi bùn sét cát	cái	1		Việt Nam	VP PTN
44	Bình rửa bụi bùn sét đá	cái	1		Việt Nam	VP PTN
45	Dụng cụ thí nghiệm đưng lượng cát ES	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
IV	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CÁC LOẠI GẠCH BÊ TÔNG VÀ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG					
46	Bộ giá thử thấm gạch Block bê tông nhỏ và lớn	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
47	Bộ giá uốn gạch đất sét nung và không nung	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
48	Bộ gá nén gạch Block bê tông 400x200mm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
49	Bộ gá nén gạch bê tông tự chèn 60x120mm	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
V	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN					
50	Máy kéo nén 1000kN + bộ máy tính ,Model : WA -1000	Máy	1	Model : WA -1000, phạm vi đo (0-1000kN) d= 0,01kN Serial : 1810288X	China	VP PTN
51	Ngàm kéo thép	Bộ	6	D0-40mm, D20-40mm, D40-60mm	China	VP PTN

Dụng cụ máy móc, thiết bị thí nghiệm

52	Bộ ngàm uốn thép các loại + đầu búa uốn	Bộ	12	Φ10-16 gói uốn 4D; Φ18-32 gói uốn 6D	China	VP PTN
53	Ngàm kéo bulong + chuông	Bộ	7	D10;12;16;20;24;30;32mm	China	VP PTN
VI	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA					
54	Máy nén CBR/Marshall LWD-3A -50kN	Máy	1	Model : LWD-3A; phạm vi đo (0-50)kN,	China	VP PTN
55	Bộ đầm Marshall bằng tay	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
56	Khuôn đầm Marshall (thân khuôn)	cái	9		Việt Nam	VP PTN
57	Máy hút chân không RS-1 + Bộ 4 bình xác định KLR ,(1 bình tam giác 3000ml, 3 bình tam giác 1000ml)	Bộ	1	(-76 mmHg đến 0) ; vạch chia 20mmHg, độ chính xác 1,6%FS	China	VP PTN
58	Thùng đo tỷ trọng bê tông nhựa	Cái	1		China	VP PTN
59	Bộ dụng cụ xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	Bộ	1		China	VP PTN
60	Bể điều nhiệt marshall	Bộ	1	Model : FC-B	China	VP PTN
61	Bộ đo góc cạnh cát	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN
62	Thước 3m + nem đo khe hở mặt đường	Bộ	1	Model: JZC-3;KT : 3000x50x25mm	China	VP PTN
63	Dụng cụ đo độ nhám	Bộ	1		China	VP PTN
64	Máy ly tâm chiết tách nhựa	Máy	1	Kiểu : N/A; Serial No:	Việt Nam	VP PTN
VII	THỬ NGHIỆM BITUM (NHỰA ĐƯỜNG), NHỰA ĐƯỜNG POLYME					
65	Máy đo kim lún nhựa đường	Bộ	1	Model: SZR -3	China	VP PTN
66	Máy đo độ hóa mềm	Bộ	1	Model: MR-2806E	China	VP PTN
67	Thiết bị thí nghiệm chớp cháy nhựa đường	Bộ	1	Model : SYD - 3536L	China	VP PTN
68	Thiết bị giãn dài nhựa đường	Bộ	1	Model : SY -1.5 , hiệu SEN XIN	China	VP PTN

69	Bộ thí nghiệm hàm lượng paraffin	Bộ	1	Model: WSY - 010A	China	VP PTN	
70	Bình khối lượng riêng nhựa đường	Bộ	1		China	VP PTN	
71	Máy thí nghiệm nhớt kế động học	Bộ	1	Model : SYD - 0620S	China	VP PTN	
72	Tủ tổn thất khi gia nhiệt	Bộ	1	Model : SYD - 0620S	China	VP PTN	
73	Xác định độ hòa tan trong Tricloetylen và N-Propyl Bromide (Cốc GOSH) + bốp cao su + hóa chất	Bộ	1		China	VP PTN	
VIII	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM						
74	Máy đầm CBR/PROTOR tự động	cái	1	Model: CSK-VI	Việt Nam	VP PTN	
75	Thiết bị xác định giới hạn chảy của đất	cái	1	Model: MLL1	China	VP PTN	
76	Kính 8 ly trắng 300mm vuông	cái	1		Việt Nam	VP PTN	
77	Đo góc nghiêng của đất	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
78	Bình đo tỷ trọng 100ml TQ	Cái	6		China	VP PTN	
79	Bộ Khuôn CBR	Cái	3		Việt Nam	VP PTN	
80	Tỷ trọng kế xác định thành phần hạt đất TM85 loại A : +5 - 60g/cm ³	Cây	1	Phạm vi đo : 0-60g/cm ³	China	VP PTN	
81	Tỷ trọng kế xác định thành phần hạt đất TM85 loại B : 0.995 -1.05g/cm ³	Cây	1	Phạm vi đo : 0.995-1.050g/cm ³	China	VP PTN	
82	Bộ sàng thành phần hạt đất D300mm : 10;5;2;1;0.5;0.25;0.1 +đáy + nắp	Cái	7		China	VP PTN	
IX	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM VỮA XÂY, VỮA RÓT KHÔNG CO NGÓT, VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC						
83	Bàn dẫn quay tay	Bộ	1		China	VP PTN	
84	Ổng đồng 1 lít	Cái	1		China	VP PTN	
X	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CÔNG LY TÂM VÀ CÔNG HỢP , CỌC BÊ TÔNG LY TÂM						
85	Kích thủy lực 100 tấn	cái	1	Kiểu : N/A Serial No: 201231	China (MC)	VP PTN	

86	Đồng hồ áp suất (0-60MPa)	cái	1	Model : serial :	China	VP PTN	
87	Bộ căn lá đo khe hở 0.03-3.00mm 13 lá, 150MX	Bộ	1	Phạm vi đo (0.03-3)mm/0.01mm 13 lá	Niigat aseiki Nhật Bản	VP PTN	
XI	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG						
88	Bộ phễu rót cát + tấm đế bình inox	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
89	Bộ dao vòng + cây dẫn hướng	Bộ	1		Việt Nam	VP PTN	
90	Cần Benkeman tỉ lệ 1:2m	Bộ	1	Kiểu : N/A Serial : 3523	Việt Nam	VP PTN	
91	Tấm đế đường kính 460;610;760mm	Tấm	4		Việt Nam	VP PTN	
92	Ống trụ thấp+ cao + tấm đế đường kính 330mm	ống	2		Việt Nam	VP PTN	
93	Đế từ	Cái	2		Việt Nam	VP PTN	
94	Kích thủy lực 32 Tấn đo mô đun đàn hồi, đồng hồ đủ 16 tấn	Bộ	1	Kiểu : N/A Serial No: 010121	China	VP PTN	
	Đồng hồ áp (0-600) kg/cm2			serial : YQ04004862	China	VP PTN	
95	Thiên phân kế 10/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm	China	VP PTN	
96	Thiên phân kế 10/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm	China	VP PTN	
97	Thiên phân kế 10/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm	China	VP PTN	
98	Thiên phân kế 10/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-10mm)/0,01mm ; kiểu : số :	China	VP PTN	
99	Thiên phân kế (0-50)mm/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-50mm)/0,01mm ; kiểu : N0.3058s-19, số : ZUK140	China	VP PTN	
100	Thiên phân kế (0-50)mm/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-50mm)/0,01mm ; kiểu : N0.3058s-19, số : ZUK092	China	VP PTN	

9101	Thiên phân kế (0-50)mm/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-50mm)/0,01mm ; kiểu : N0.3058s-19, số : ZUK090	China	VP PTN
102	Thiên phân kế (0-50)mm/0.01mm	Cái	1	Phạm vi (0-50mm)/0,01mm ; kiểu : N0.3058s-19, số : ZUK088	China	VP PTN
103	Máy khoan bê tông+ ống khoan+ mũi khoan	Máy	1		China	VP PTN
104	Thước 3m + nem đo khe hở mặt đường	Bộ	1	Model: JZC-3; KT : 3000x50x25mm	China	VP PTN
105	Bộ dụng cụ đo độ nhám	Bộ	1			VP PTN
106	Búa thử độ cứng bê tông	Cái	1	Model: Serial No:	Matest	VP PTN
107	Kích thử tải 100 tấn + đồng hồ áp	Bộ	1	Kiểu : N/A Serial No: 201231	China	VP PTN
XII	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM PHỤ GIA BÊ TÔNG VÀ NƯỚC					
108	Bút đo Ph Thang đo : 0.0 to 14.0 Ph	Cây	1	Model : HI98107	Hanna	VP PTN
109	Tỷ trọng kế 1.100-1.200, chia vạch 0.001g/cm ³ Amarell-Đức	Cây	1	Model : Amarell-Đức; Số : AMAH801060	Đức	VP PTN
XIII	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG					
110	Lò nung 1200 ^o c SX 4-10	Cái	1	Model : SX 4-10; phạm vi đo (0-1200 ^o c)	China	VP PTN
111	Tủ sấy Model : 101-1	Cái	1	Model : 101-1; phạm vi đo (0-300 ^o c)	China	VP PTN
112	Thước cặp điện tử dài 300mm	cây	1	Phạm vi đo (0-300)mm/0.01mm m Model : 1108-300	China	VP PTN
113	Cân điện tử 6kg	Cái	1	Phạm vi (0-6000g)/0,2g; kiểu : VIBRA TPS 6	TPS	VP PTN

114	Cân phân tích HL5202B 5200g/0.01g	Cái	1	Model : HL5202B , Mức cân lớn nhất : 5200g/0.01g; số :	China	VP PTN
115	Cân điện tử kiểu : RC21P30	Cái	1	Phạm vi (0- 30Kg)/0,001kg; kiểu : RC21P30 số : 8341296453	OHAU S	VP PTN
116	Cân phân tích FPA214	Cái	1	Model : FPA214 ,Mức cân lớn nhất : 210g/0.0001g	China	VP PTN
117	Thước lá 500mm	cây	1			VP PTN
118	Thước lá 1000mm	cây	1			VP PTN
119	Bộ cân lá đo khe hở 0.03- 3.00mm 13 lá, 150MX	Bộ	1	Phạm vi đo (0.03- 3)mm/0.01mm 13 lá	Niigat aseiki Nhật Bản	VP PTN
120	Bút đo nhiệt đo điện tử 300 ^o c	cây	1	Model : ST- 9212B Phạm vi đo (- 50÷300 ^o c)	China	VP PTN

XXIV THIẾT BỊ VÀ PHỤ KIỆN LÀM THÀNH PHẦN HÓA HỌC VÀ HÓA CHẤT CƠ BẢN

121	Bình định mức (thủy tinh) 250ml One lab - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN
122	Bình định mức (thủy tinh) 50ml One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
123	Bình tam giác (thủy tinh) 50ml, miệng rộng One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
124	Ống đong thủy tinh 250ml One lab - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN
125	Cốc thủy tinh 1000ml One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
126	Cốc thủy tinh hình trụ 250ml One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
127	Cốc thủy tinh hình trụ 100ml One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
128	Bình tam giác (thủy tinh) 250ml One lab - Trung Quốc	Cái	3		China	VP PTN

129	Bình tam giác (thủy tinh) 500ml One lab - Trung Quốc	Cái	3		China	VP PTN
130	Bình tam giác (thủy tinh) 1000ml One lab - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN
131	Bình tam giác (thủy tinh) 2000ml Bomex – Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN
132	Ổng đồng thủy tinh hình trụ 1000ml Trung Quốc	Cái	3		China	VP PTN
133	Ổng đồng thủy tinh hình trụ 500ml Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN
134	Đũa Thủy tinh F7*300mm One lab - Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN
135	Phễu thủy tinh F100mm One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
136	Phễu thủy tinh F60mm One lab - Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
137	Bình hút ẩm có vòi, đường kính 300mm Dinlab – Trung Quốc	Cái	1		China	VP PTN
138	Chai trắng MR 1000ml / ONELAB One lab - Trung Quốc	Cái	3		China	VP PTN
139	Buret thủy tinh trắng khóa PTFE 50ML/0.1 Dinlab –Trung quốc	Cái	1		China	VP PTN
140	Bộ chân giá lớn Đế 18*26cm +Cọc dài 70cm Việt Nam	Cái	1		China	VP PTN
141	Kẹp Buret đôi VN	Cái	1		China	VP PTN
142	Chai thủy tinh nhỏ giọt màu nâu (125ml) One lab - Trung Quốc	Chai	3		China	VP PTN
143	Giấy lọc định tính phi 110mm Newstar - Trung quốc Chậm = Trung = Nhanh	Hộp	3		China	VP PTN
144	Giấy lọc định lượng phi 110mm Newstar –Trung Quốc	Hộp	1		China	VP PTN
145	Quả bóp cao su Việt Nam	Cái	1		China	VP PTN

146	Pipet thủy tinh 5ml Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN
147	Pipet thủy tinh 10ml Trung Quốc	Cái	2		China	VP PTN
148	Ống hút pasteur nhựa 3ml Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
149	Bát sứ có mỏ 125ml Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
150	Bát sứ có mỏ 150ml Trung Quốc	Cái	5		China	VP PTN
151	Chén sứ 40ml kèm nắp Trung Quốc	Cái	10		China	VP PTN
152	Máy khuấy từ gia nhiệt, Model: ARE 5, Velp	Cái	1		China	VP PTN

XXIII

**HÓA CHẤT CƠ BẢN TRONG PHÒNG THỬ
NGHIỆM**

**C. THỨC HÓA
HỌC**

153	Zinc oxyt chai 500g	Chai	1	ZnO	China	VP PTN
154	Acid nitric chai 500ml	Chai	1	HNO ₃	China	VP PTN
155	Acid hydrofluoric chai 500ml	Chai	1	HF	China	VP PTN
156	Acetone chai 500ml	Chai	1	(CH ₃) ₂ CO	China	VP PTN
157	acid hydrochloric chai 500ml	Chai	1	HCl	China	VP PTN
158	Natrihydroxyt chai 500g	Chai	1	NaOH	China	VP PTN
159	Axit photphoric chai 500ml	Chai	1	H ₃ P0 ₄	China	VP PTN
160	Amoni hydroxide chai 500ml	Chai	1	NH ₄ OH	China	VP PTN
161	Amoni chai 500ml	Chai	1	NH ₃	China	VP PTN
162	Acid sulfuric chai 500ml	Chai	1	H ₂ S0 ₄	China	VP PTN
163	Acid acetic chai 500ml	Chai	1	CH ₃ COOH	China	VP PTN
164	Kali hydroxyt chai 500g	Chai	1	KOH	China	VP PTN
165	Bari Clorua chai 500g	Chai	1	BaCl ₂	China	VP PTN
166	Natri fluoride chai 500g	Chai	1	NaF	China	VP PTN

Dụng cụ máy móc, thiết bị thí nghiệm

167	Kẽm (Zinc) Zn hạt chai 500g	Chai	1	Zn	China	VP PTN
168	Kẽm sunfat chai 500g	Chai	1	ZnSO ₄ .7H ₂ O	China	VP PTN
169	Natri Sunfat chai 500g	Chai	1	Na ₂ SO ₄	China	VP PTN
170	Calci chloride .khan chai 500g	Chai	1	CaCl ₂	China	VP PTN
171	Natri Clorua chai 500g	Chai	1	NaCl	China	VP PTN
172	Kali Clorua chai 500g	Chai	1	KCl	China	VP PTN
173	Natri bicarbonate chai 500g	Chai	1	NaHC03	China	VP PTN
174	Ethanol chai 500ml	Chai	1	C ₂ H ₅ OH	China	VP PTN
175	Natricacbonat chai 500g	Chai	1	Na ₂ CO ₃	China	VP PTN
176	Magie Sulfate chai 500g	Chai	1	Mg ₂ S04	China	VP PTN
177	Glyxerin chai 500ml	Chai	1	C ₃ H ₈ O ₃	China	VP PTN
178	Etylen glycol chai 500ml	Chai	1	C ₂ H ₅ OH	China	VP PTN
179	Ta nanh (Tanin)	Chai	1	(Tanin)	China	VP PTN
180	Oxalic Acid dehydrate chai500g	Chai	1	(C ₂ H ₂ O ₄ .2H ₂ O)	China	VP PTN
181	Acid sulfanilic chai 100g	Chai	1	(H ₃ NC ₆ H ₄ SO ₃)	China	VP PTN
182	Natrinitrit chai 500g	Chai	1	(NaNO ₂)	China	VP PTN
183	Natrixalixilat chai 250g	Chai	1	(C ₇ H ₅ NaO ₃)	China	VP PTN
184	Natri kali tatrat chai 500g	Chai	1	(KNaC ₄ H ₄ O ₆ .4 H ₂ O)	China	VP PTN
185	Kali pecmanganat (KMnO ₄) chai 500g	Chai	1	(KMnO ₄)	China	VP PTN
186	Kali cromat (K ₂ CrO ₄) chai 500g	Chai	1	(K ₂ CrO ₄)	China	VP PTN
187	Chỉ thị muối NH ₄ Fe(SO ₄) ₂ .12H ₂ O	Chai	1	NH ₄ Fe(SO ₄) ₂ .1 2H ₂ O	China	VP PTN
188	Dung dịch xanh methylen	Chai	1	(C ₁₆ H ₁₈ CIN ₃ S)	China	VP PTN
189	Metyl da cam chai 25g	Chai	1	(C ₁₄ H ₁₄ N ₃ NaO ₃ S)	China	VP PTN
190	Nước cất can	Chai	1	Nước cất	Việt Nam	VP PTN
190	Bạc nitrat chai 100g	Chai	1	AgNO ₃	China	VP PTN

191	Dung dịch Hydroperoxit chai 500ml	Chai	1	(H ₂ O ₂)	China	VP PTN	
192	Rượu ethy alcohol chai 500ml	Chai	1	(cồn 99.7)	China	VP PTN	

PHỤ LỤC III

**DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN
CÁC THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VIỆN CƠ HỌC**

(Kèm theo công bố số: 1896/TINL-3A ngày 24/01/2026 của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
1.	Nguyễn Thanh Long	TP. Thí nghiệm	<ol style="list-style-type: none"> Bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng số 00052910 cấp ngày 20/09/2010 do trường đại học giao thông vận tải TP.HCM Chứng nhận quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 773-2009 ngày cấp 26/09/2009 do BXD học viện cán bộ quản lý xây dựng và Đô Thị Bằng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô số : 2943 , ngày cấp 03/06/2003 do tổng cục dạy nghề - bộ lao động thương binh và xã hội cấp. 	<ol style="list-style-type: none"> Lo hồ sơ thủ tục pháp lý. Hỗ trợ công tác quản lý nhân sự. Quản lý điều hành chung phòng thí nghiệm. Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm. Nhóm thí nghiệm cơ lý :Thử kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm, cáp dự ứng lực. Nhóm sản phẩm đất, cát , đá dăm xây dựng. Nhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường. Nhóm sản phẩm về bê tông Nhóm sản phẩm cốt liệu cho bê tông và vữa xây dựng. Nhóm sản phẩm về địa kỹ thuật. Nhóm sản phẩm về thí nghiệm gạch các loại Nhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan.
2.	Trần Thế Hiệp	Nhân viên TN	<ol style="list-style-type: none"> Bằng Kỹ sư công nghệ kỹ thuật xây dựng số : 190610139 cấp ngày 16/06/2019 do 	<ol style="list-style-type: none"> Nhóm thử nghiệm cơ lý thép :Thử kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm,.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
			<p>trường đại học công nghệ Đồng Nai cấp.</p> <p>2. Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng số : 16.167.24/ VKHCN-TNV cấp 19/08/2024 do viện khoa học và công nghệ GTVT cấp</p> <p>3. Chứng nhận thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa số :2025/CN/0567 cấp ngày 03/10/2025 do trường ĐH xây dựng Hà Nội cấp</p>	<p>2. Nhóm sản phẩm đất, cát, phụ gia, xi măng, đá dăm xây dựng</p> <p>3. Nhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường.</p> <p>4. Nhóm sản phẩm bê tông và vữa xây dựng.</p> <p>5. Nhóm sản phẩm về gạch xây dựng</p> <p>6. Nhóm sản phẩm về địa kỹ thuật.</p> <p>7. Nhóm thí nghiệm dây điện và đo điện trở tiếp địa</p> <p>8. Nhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan.</p> <p>9. Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm</p>
3.	Đỗ Văn Tuyển	Nhân viên TN	<p>1. Bằng kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp số : 15XD0283 cấp ngày 09/11/2015 do trường ĐH Lạc Hồng cấp</p> <p>2. Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng số : 59.167.24/ VKHCN-TNV cấp 19/08/2024 do viện khoa học và công nghệ GTVT cấp</p>	<p>1. Nhóm thí nghiệm cơ lý thép : Thử kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm, cáp dự ứng lực.</p> <p>2. Nhóm sản phẩm đất, cát, phụ gia, xi măng, đá dăm xây dựng</p> <p>3. Nhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường.</p> <p>4. Nhóm sản phẩm bê tông và vữa xây dựng.</p> <p>5. Nhóm sản phẩm về gạch xây dựng</p> <p>6. Nhóm sản phẩm về địa kỹ thuật.</p> <p>7. Nhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan.</p> <p>8. Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm</p>

STT	Họ và tên	Chức vụ	Bảng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Nhiệm vụ/ Lĩnh vực thí nghiệm
4.	Nguyễn Văn Nghiệp	Nhân viên TN	<ol style="list-style-type: none"> Bảng kỹ sư xây dựng cầu đường số : 11254, cấp ngày 20/04/2015, do Trường ĐH GTVT TP.HCM cấp. Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm, kiểm định vật liệu xây dựng công trình giao thông số : 053/QĐ.328.2023.VLXD, cấp ngày 15/09/2023 do viện vật liệu xây dựng cấp Chứng nhận đào tạo thí nghiệm về bê tông và vật liệu xây dựng số : CT81-1511/GCN-TTXD cấp ngày : 04/10/2015 do Trường ĐHBK-ĐHQG TP.HCM- Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ XD-Reactec 	<ol style="list-style-type: none"> Nhóm thí nghiệm cơ lý thép : Thử kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm, cáp dự ứng lực. Nhóm sản phẩm đất, cát, phụ gia, xi măng, đá dăm xây dựng Nhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường. Nhóm sản phẩm bê tông và vữa xây dựng. Nhóm sản phẩm vè gạch xây dựng Nhóm sản phẩm vè địa kỹ thuật. Nhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan. Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm

2. DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ, THÍ NGHIỆM VIÊN KÈM THEO CÁC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN ĐƯỢC ĐÀO TẠO LIÊN QUAN

PTN ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2025

BẢNG DANH SÁCH NHÂN VIÊN CÔNG TY

1. Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 0969.342.107

2. Tên phòng thí nghiệm : **PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

- Địa chỉ PTN: Số 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn
I	Quản lý phòng thí nghiệm			
1.	Mai Duy Ân	1994	Giám Đốc	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật xây dựng
2.	Nguyễn Thanh Long	1977	TP. Thí nghiệm	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng
II	Nhân viên phòng thí nghiệm			
3.	Trần Thế Hiệp	1994	Nhân Viên	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật xây dựng
4.	Đỗ Văn Tuyển	1989	Nhân Viên	Kỹ sư dân dụng và công nghiệp
5.	Nguyễn Văn Nghiệp	1984	Nhân viên	Kỹ sư xây dựng cầu đường

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)



Mai Duy Ân

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
DONG NAI TECHNOLOGY UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering Technology

Upon: **Mr. Mai Duy An**

Date of birth: **October 22, 1994**

Year of graduation: **2018**

Degree classification: **Good**

Mode of study: **Full-time**

Dong Nai, October 3, 2018

Reg. No: **181010399**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Công nghệ kỹ thuật xây dựng

Cho: **Ông. Mai Duy An**

Ngày sinh: **22/10/1994**

Năm tốt nghiệp: **2018**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đồng Nai, ngày 03 tháng 10 năm 2018

Số hiệu: **429741**
Số vào sổ cấp bằng: **181010399**
TS. Phan Ngọc Sơn



THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Mr. Nguyen Thanh Long

Upon: (Mr. Ms)

Born on: 12/06/1977

Major in: Civil Engineering

Ranking: Credit

Mode of study: Full - time



Serial number:

Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

cấp

Danh hiệu: **Bằng Kỹ sư**

Nguyễn Thanh Long

Choi: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 12/06/1977

Ngành đào tạo: Kỹ thuật xây dựng

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2010



HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **00052910**

Số vào sổ cấp bằng: **5540**

PGS.TS. Trần Cảnh Vinh

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CƠ BẢN QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Tập thể - Tự do - Hạnh phúc
1990

CHỨNG NHẬN

Ông (bà): *Nguyễn Thanh Đông*

Sinh ngày: 12-06-1977

Quốc tịch: Quảng Ngãi

Đã học xong chương trình Tập huấn về "Quản lý
học đồng phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng"

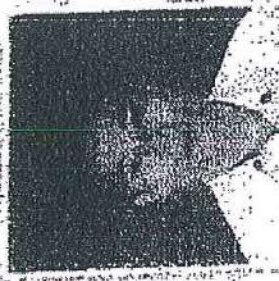
Liệt tập trong Thời gian từ ngày (25/04/2009)

đến ngày

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2009

Giám đốc

Nguyễn Đình Bình
ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM



Mã số ĐKKD số: 773-2009

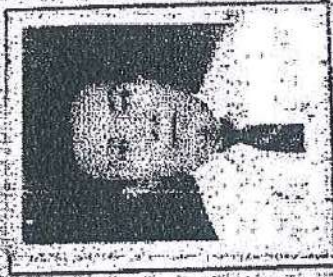
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

000305833

1/LĐTĐXH - DN

Số hiệu



Chữ ký của người được cấp bằng

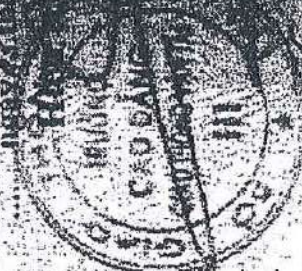
Vào số số: 2263
Ngày 12 tháng 11 năm 2003

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: CAO ĐÌNH
.....
Cấp cho: Nguyễn Thanh Long
Sinh ngày: 22.08.1977
Nguyên quán: Đông Ngạc, Hà Nội
Nghề đào tạo: Kỹ thuật
Từ ngày: 12/10 đến 15/11 năm 2003
Đạt trình độ thợ bậc: 3/7
Tốt nghiệp tại: Trường
Theo quyết định số: 154/ĐA.27
Ngày: 16 tháng 05 năm 2003

..... ngày 16 tháng 05 năm 2003



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
DONG NAI TECHNOLOGY UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering Technology

Upon: **Mr. Tran The Hiep**

Date of birth: **July 03, 1994**

Year of graduation: **2019**

Degree classification: **Ordinary**

Mode of study: **Full-time**

Dong Nai, June 16, 2019

Reg. No: 190610139

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Công nghệ kỹ thuật xây dựng

Cho: **Ông. Trần Thế Hiệp**

Ngày sinh: **03/07/1994**

Năm tốt nghiệp: **2019**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đồng Nai, ngày 16 tháng 6 năm 2019



TS. Phan Ngọc Sơn

Số hiệu: **500092**

Số vào sổ cấp bằng: 190610139



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
Châu

CHỨNG CHỈ

Chợ ông/bà: *Trần Thị Hiệp*

Sinh ngày: *25/07/1990*

Nơi thường trú: *Bình Nhai*

Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư - Công nghệ kỹ thuật XD*

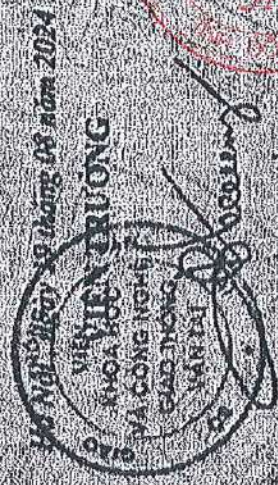
Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo thi nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: *Thi nghiệm vật liệu xây dựng*

Khóa: *167* Tổ chức: *GS/ĐH - 15/08/2024*

Xếp loại: *Khá*



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Văn Tiến



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. TRAN THE HIEP
Born on 03 July 1994

For successful completion of the training course entitled
Electrical conductor testing
and ground resistance measurement.
Held in September 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

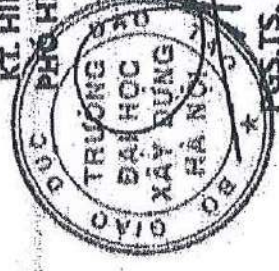
CHỨNG NHẬN

Ông TRAN THẾ HIỆP
Sinh ngày 03 tháng 07 năm 1994

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
Thí nghiệm dây dẫn điện
và phương pháp đo điện trở tiếp địa
Khóa tháng 9 năm 2025

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Số: 0020/DTR2025-DHXDHN
Số vào sổ cấp chứng nhận: 2025/CN/0567

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

LACHONG UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL AND INDUSTRIAL STRUCTURES

Upon: **Mr. Do Van Tuyen**

Date of birth: 07 July 1989

Year of graduation: 2015

Degree classification: Average good

Mode of study: Full-time

Dongnai, 09 November 2015

Reg. No: 15XD0283

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

cấp

BẰNG KỸ SƯ

XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Cho: **Ông Đỗ Văn Tuyền**

Ngày sinh: 07/07/1989

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đồng Nai, ngày 09 tháng 11 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 367889

Số vào sổ cấp bằng: 15XD0283

NGND-TS Đỗ Văn Toàn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
Chấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Đỗ Văn Tiến*

Sinh ngày: 07/07/1985

Nơi thường trú: *Đông Ngai*

Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư - Xây dựng DD và CN*

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo thí nghiệm viên ngân hàng

Chuyên ngành: *Thử nghiệm vật liệu xây dựng*

Khoa: 167 Tổ chức: 05708 - 1508/2024

Xếp loại: *Khá*



VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
(Cơ quan đăng ký kinh doanh và mã số thuế)

<p>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p> <p>RECTOR</p> <p>HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT</p> <p>has conferred</p> <p>THE DEGREE OF ENGINEER</p> <p>Bridge and Highway Engineering</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>HIỆU TRƯỞNG</p> <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH</p> <p>cấp</p> <p>BẰNG KỸ SƯ</p> <p>Xây dựng Cầu - Đường</p>
<p>Upon: Mr. Nguyen Van Nghiep</p> <p>Date of birth: 10 November 1982</p> <p>Year of graduation: 2016</p> <p>Degree classification: Good</p> <p>Mode of study: Part-time</p> <p><i>10/24/2016, City, 20 April 2017</i></p>	<p>Cho: Ông Nguyễn Văn Nghiệp</p> <p>Ngày sinh: 10/11/1982</p> <p>Năm tốt nghiệp: 2016</p> <p>Xếp loại tốt nghiệp: Khá</p> <p>Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học</p> <p><i>10/24/2016, City, 20 April 2017</i></p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

PRESIDENT
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS
has conferred
CERTIFICATE

Upon: **NGUYEN VAN NGHIEP**
Date of birth: **10/11/1984**
Completed training program:
MATERIALS TESTING AND INSPECTION FOR
TRANSPORTATION PROJECTS
Course duration: **03 days, from 26/08/2023 to 28/08/2023**
At: **Can Tho City**

Hanoi, September 13th 2023



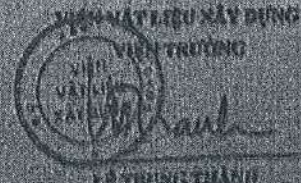
Reg. No: 011/2013/2023/01/01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
cấp
CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

Cho: **NGUYỄN VĂN NGHIEP**
Ngày sinh: **10/11/1984**
Đã hoàn thành chương trình đào tạo:
THÍ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY
DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
Thời gian học: **03 ngày, từ 26/08/2023 đến 28/08/2023**
Tại: **Thành phố Cần Thơ**

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2023



LÊ TRUNG THÀNH

Điện thoại: 0511 331 331 (MÁI QUANG VIỆT) 33
Fax: 0511 331 331 (MÁI QUANG VIỆT) 33

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

3. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH NGHIỆP VÀ GCN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2001337296

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 10 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 11 tháng 08 năm 2025



1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 38/461, đường 21 tháng 4, khu phố 2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0969342107

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 1.470.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 147.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: MAI DUY ANH

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 22/10/1994

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 075094004181

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Ấp Suối Cát 2, Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Duy Hải

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Số:



68954/25



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ trụ sở: 108 đường Hà Huy Giáp, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hoà,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 885 0777 Số Fax: 0251 394 1718

Thư điện tử: dkkd.skhdtd@dongnai.gov.vn Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Mã số doanh nghiệp: 2001337296

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): MAI DUY AN Điện thoại: 0969342107
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: YÊN VĂN BUỒL Điện thoại: 0918794422
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 38/461, đường 21 tháng 4, khu phố 2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Điện thoại: 0969342107 Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 5



Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi/ kê khai xác định chủ sở hữu hưởng lợi

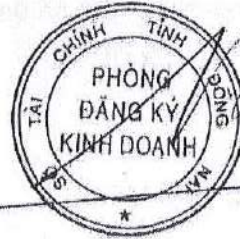
STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	
								Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ	Quyền chi phối
1	MAI DUY AN	22/10/1994	Nam	075094004181			Áp Suối Cát 2, Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	51,02	

Nơi nhận:

- CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A. Địa chỉ: Số 38/461, đường 21 tháng 4, khu phố 2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Lưu: Huỳnh Quốc Toàn.....

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Hải

**4. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY
DỰNG CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY
DỰNG**

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC

(V/v Thành lập Phòng Thí Nghiệm Địa Kỹ Thuật Và Vật Liệu Xây Dựng thuộc Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A)

- Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng;
- Căn cứ điều lệ Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A;
- Căn cứ quy định chức năng nhiệm vụ của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A ;
- Căn cứ vào nhu cầu hoạt động thực tế kinh doanh của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập phòng thí nghiệm thuộc Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A, tên giao dịch: **Phòng Thí Nghiệm Địa Kỹ Thuật Và Vật Liệu Xây Dựng.**

- Địa chỉ PTN : Số 38/461 Đường 21 tháng 4, Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điều 2: Cán bộ, nhân viên phòng thí nghiệm do Giám Đốc công ty phân công điều hành.

Điều 3: Phòng thí nghiệm có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các phép thử được cơ quan có thẩm quyền công nhận đảm bảo tính khách quan, trung thực.

Điều 4: Các ông Trưởng, Phó phòng các bộ phận chuyên môn Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

-Như điều 2

-Lưu HSNS (02)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH

XÂY DỰNG 3A

GIÁM ĐỐC



MAIDUY AN

5. QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM TRƯỞNG PHÒNG – PHÓ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số: 1112-1 /2025/QĐBN-3A

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A
(v/v Bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng thí nghiệm)

- Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tự pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng;
- Căn cứ điều lệ Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A;
- Căn cứ quy định chức năng nhiệm vụ của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A ;
- Xét nhu cầu công tác và năng lực nhân sự Phòng thí nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng thí nghiệm cho ông Nguyễn Thanh Long, Phụ trách Phòng Thí Nghiệm Địa Kỹ Thuật Và Vật Liệu Xây Dựng kể từ ngày 11/12/2025.

Điều 2: Quyền hạn và chức vụ:

- Thực hiện theo quy định của Bộ xây dựng đối với trưởng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Bố trí và giám sát, phân công cho thí nghiệm viên thực hiện công việc thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm và tại hiện trường; Đôn đốc các thí nghiệm viên hoàn thiện hồ sơ thí nghiệm; Quản lý hồ sơ thí nghiệm của khách hàng; Phiếu kết quả thí nghiệm;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện những nhiệm vụ mà lãnh đạo giao phó.

Điều 3: Ông Nguyễn Thanh Long và Trưởng các bộ phận khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

-Như điều 3

-Lưu HSNS (02)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG 3A**



MAI DUY AN

6. DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN VÀ BẢN PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC CHO TỪNG CÁ NHÂN TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐÃ ĐƯỢC LÃNH ĐẠO PHÊ DUYỆT, KÈM THEO CÁC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ ĐƯỢC ĐÀO TẠO LIÊN QUAN.

PTN ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2025

BẢNG DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

1. Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 38/461 Đường 21 tháng 4, Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 0969.342.107 Email: kiemdinh3a@gmail.com

2. Tên phòng thí nghiệm : **PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

- Địa chỉ PTN: Số 38/461 Đường 21 tháng 4, Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn
I	Quản lý phòng thí nghiệm			
1.	Nguyễn Thanh Long	1977	TP. Thí nghiệm	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng
II	Nhân viên phòng thí nghiệm			
2.	Trần Thế Hiệp	1994	Nhân Viên	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật xây dựng
3.	Đỗ Văn Tuyền	1989	Nhân Viên	Kỹ sư dân dụng và công nghiệp
4.	Nguyễn Văn Nghiệp	1984	Nhân viên	Kỹ sư xây dựng cầu đường

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG 3A

GIÁM ĐỐC



MAI DUY AN



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

BẢNG PHÂN CÔNG VIỆC CHO TỪNG NHÂN VIÊN

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Năm công tác	Chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực thí nghiệm
1.	Nguyễn Thanh Long	1977	Nam	Kỹ sư	23	<ol style="list-style-type: none">Bằng kỹ sư kỹ thuật xây dựng số 00052910 cấp ngày 20/09/2010 do trường đại học giao thông vận tải TP.HCMChứng nhận quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 773-2009 ngày cấp 26/09/2009 do BXD học viện cán bộ quản lý xây dựng và Đô ThịBảng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô số : 2943 , ngày cấp 03/06/2003 do tổng cục dạy nghề - bộ lao động thương binh và xã hội cấp.	<ol style="list-style-type: none">Lo hồ sơ thủ tục pháp lý.Hỗ trợ công tác quản lý nhân sự.Quản lý điều hành chung phòng thí nghiệm.Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm.Nhóm thí nghiệm cơ lý : Thử kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm, cáp dự ứng lực.Nhóm sản phẩm đất, cát , đá dăm xây dựng.Nhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường.Nhóm sản phẩm vữa bê tông



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

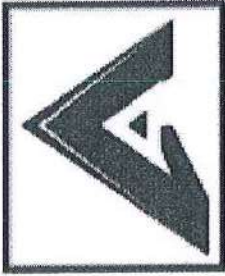
Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4, Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4, Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Năm công tác	Chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực thí nghiệm
2.	Trần Thế Hiệp	1994	Nam	Đại học	7	<ol style="list-style-type: none">Bằng Kỹ sư công nghệ kỹ thuật xây dựng số : 190610139 cấp ngày 16/06/2019 do trường đại học công nghệ Đồng Nai cấp.Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng số : 16.167.24/ VKHCN-TNV cấp 19/08/2024 do viện khoa học và công nghệ GTVT cấpChứng nhận thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa số :2025/CN/0567 cấp ngày 03/10/2025 do trường ĐH xây dựng Hà Nội cấp	<ol style="list-style-type: none">Nhóm sản phẩm cốt liệu cho bê tông và vữa xây dựng.Nhóm sản phẩm về địa kỹ thuật.Nhóm sản phẩm về thí nghiệm gạch các loạiNhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan. <ol style="list-style-type: none">Nhóm thử nghiệm cơ lý thép :Thử kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm,.Nhóm sản phẩm đất, cát, phụ gia, xi măng, đá dăm xây dựngNhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường.Nhóm sản phẩm bê tông và vữa xây dựng.Nhóm sản phẩm về gạch xây dựng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Năm công tác	Chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực thí nghiệm
							<ol style="list-style-type: none">Nhóm sản phẩm về địa kỹ thuật.Nhóm thí nghiệm dây điện và đo điện trở tiếp địaNhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan.Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm
3.	Đỗ Văn Tuyên	1989	Nam	Đại học	10	<ol style="list-style-type: none">Bằng kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp số : 15XD0283 cấp ngày 09/11/2015 do trường ĐH Lạc Hồng cấpChứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng số : 59.167.24/ VKHCN-TNV cấp 19/08/2024 do viện khoa học và công nghệ GTVT cấp	<ol style="list-style-type: none">Nhóm thí nghiệm cơ lý thép : Thử kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cốt bê tông, thép tấm, cáp dự ứng lực.Nhóm sản phẩm đất, cát, phụ gia, xi măng, đá dăm xây dựngNhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường.Nhóm sản phẩm bê tông và vữa xây dựng.Nhóm sản phẩm về gạch xây dựng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Năm công tác	Chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực thí nghiệm
							<ol style="list-style-type: none">Nhóm sản phẩm về địa kỹ thuật.Nhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan.Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm
4.	Nguyễn Văn Nghiệp	1984	Nam	Đại học	12	<ol style="list-style-type: none">Bằng kỹ sư xây dựng cầu đường số : 11254, cấp ngày 20/04/2015, do Trường ĐH GTVT TP.HCM cấp.Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm , kiểm định vật liệu xây dựng công trình giao thông số : 053/QĐ.328.2023.VLXD, cấp ngày 15/09/2023 do viện vật liệu xây dựng cấpChứng nhận đào tạo thí nghiệm về bê tông và vật liệu xây dựng số : CT81-1511/GCN-TTXD cấp ngày : 04/10/2015 do Trường ĐHBK-ĐHQG TP.HCM-Trung tâm	<ol style="list-style-type: none">Nhóm thí nghiệm cơ lý thép : Thử kéo bu lông – đai ốc, ống kim loại, thép cột bê tông, thép tấm, cáp dự ứng lực.Nhóm sản phẩm đất, cát, phụ gia, xi măng, đá dăm xây dựngNhóm sản phẩm bê tông nhựa và nhựa đường.Nhóm sản phẩm bê tông và vữa xây dựng.Nhóm sản phẩm về gạch xây dựngNhóm sản phẩm về địa kỹ thuật.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Năm công tác	Chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực thí nghiệm
						nguyên cứu ứng dụng công nghệ XD-Reactec	7. Nhóm các thí nghiệm hiện trường và trong phòng có liên quan. 8. Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

GIÁM ĐỐC



MAI DUY AN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Mr. Nguyen Thanh Leng

Upon: (Mr, Ms)

Born on: 12/06/1977

Major in: Civil Engineering

Ranking: Credit

Mode of study: Full - time

Serial number:

Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Danh hiệu: Bằng Kỹ sư

Nguyễn Thanh Leng

Cho:

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 12/06/1977

Ngành đào tạo: Kỹ thuật xây dựng

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 00052910

Số vào sổ cấp bằng: 5240

PGSTS. Trần Cảnh Việt

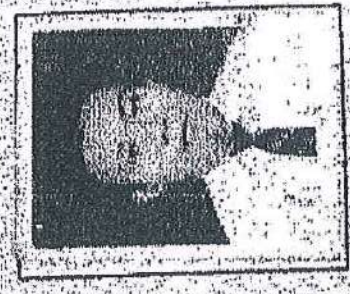


BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

000305833

1/LETBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào số số: 2943
Ngày 15 tháng 11 năm 2003

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: *Đào Đình Trọng*

Cấp cho: *Nguyễn Văn Tuấn Anh Long*

Sinh ngày: *22.08.1977*

Nguyên quán: *Quảng Ngãi*

Nghề đào tạo: *Chín giờ*

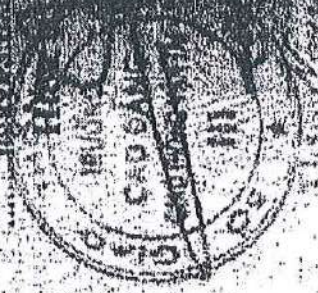
Từ ngày: *1991* đến ngày: *2003*

Đại trình độ thợ bậc: *Sơ cấp*

Tội nghiệp hạng: *Sơ cấp*

Theo quyết định số: *1551/ĐQ.07*

Ngày 15 tháng 11 năm 2003



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
DONG NAI TECHNOLOGY UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering Technology

Upon: **Mr. Tran The Hiep**

Date of birth: **July 03, 1994**

Year of graduation: **2019**

Degree classification: **Ordinary**

Mode of study: **Full-time**

Dong Nai, June 16, 2019

Reg. No: 190610139

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Công nghệ kỹ thuật xây dựng

Cho: **Ông. Trần Thế Hiệp**

Ngày sinh: **03/07/1994**

Năm tốt nghiệp: **2019**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**

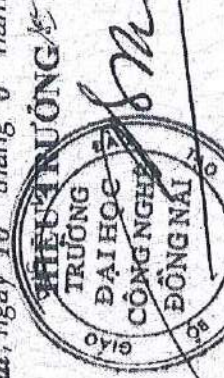
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đồng Nai, ngày 16 tháng 6 năm 2019



Số hiệu: **500092**

Số vào sổ cấp bằng: **190610139**



TS. Phan Ngọc Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
Chấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Đình Văn Tiến*

Sinh ngày: *05/07/1994*

Nơi thường trú: *Đông Nai*

Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư - Công nghệ kỹ thuật XD*
Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo thi nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: *Thi nghiệm vật liệu xây dựng*

Khóa: *167* Tổ chức: *05/08 - 13/08/2024*

Xếp loại: *Khả*

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2024



KI VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

Đình Văn Tiến

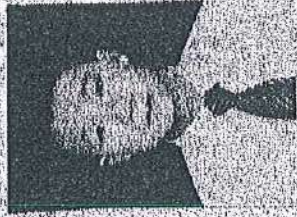


SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING**

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. TRAN THE HIEP
Born on 03 July 1994

For successful completion of the training course entitled
**Electrical conductor testing
and ground resistance measurement.**

Held in September 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

cấp

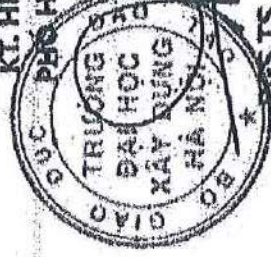
CHỨNG NHẬN

Ông TRẦN THẾ HIỆP
Sinh ngày 03 tháng 07 năm 1994

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
**Thí nghiệm dây dẫn điện
và phương pháp đo điện trở tiếp địa**
Khóa tháng 9 năm 2025

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Số: 0020/DTR2025-DHXDHN

Số vào sổ cấp chứng nhận: 2025/CN/0567

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

LAC HONG UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL AND INDUSTRIAL STRUCTURES

Upon: **Mr. Do Van Tuyen**

Date of birth:

07 July 1989

Year of graduation:

2015

Degree classification:

Average good

Mode of study:

Full-time

Dongnai, 09 November 2015

Reg. No: 15XD0283

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

cấp

BẰNG KỸ SƯ

XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Cho: **Ông Đỗ Văn Tuyền**

Ngày sinh:

07/07/1989

Năm tốt nghiệp:

2015

Xếp loại tốt nghiệp:

Trung bình khá

Hình thức đào tạo:

Chính quy

Đồng Nai, ngày 09 tháng 11 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 367889

NGND-TS Đỗ Văn Tuyền

Số vào sổ cấp bằng: 15XD0283





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
Cấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Đỗ Văn Tuấn*

Sinh ngày: 07/07/1989

Nơi thường trú: *Đồng Nai*

Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư - Xây dựng DD và CN*

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo chỉ nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: *Thực nghiệm vật liệu xây dựng*

Khóa: 167 Tổ chức: 05/08 - 15/08/2024

Xếp loại: *Khá*

Đã kết thúc ngày: 19 tháng 08 năm 2024

VIỆN VIÊN TRƯỞNG

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƯỜNG 10 - P. THẠCH LẠNG - TP. BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

KT. VIÊN TRƯỞNG

PHÓ VIÊN TRƯỞNG

Đinh Văn Tuấn



ĐƯỜNG 10 - P. THẠCH LẠNG - TP. BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI
(Số điện thoại: 0252 381 0000 - 381 0001)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR
HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT

has conferred
THE DEGREE OF ENGINEER
Bridges and Highway Engineering

Upon: **Mr Nguyen Van Nghiep**

Date of birth: 10 November 1966

Year of graduation: 2015

Degree classification: Good

Mode of study: Part-Time

Hà Nội ngày 05 tháng 04 năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

cấp
BẰNG KỸ SƯ
Xây dựng Cầu - Đường

Cho: **Ông Nguyễn Văn Nghiệp**

Ngày sinh: 10/11/1966

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: KH

Hình thức đào tạo: Vừa học vừa làm

Hà Nội ngày 05 tháng 04 năm 2015

TRƯỜNG ĐẠI GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ


Số báo: 208033

Hà Nội ngày 05 tháng 04 năm 2015

Reg. No: 11454



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Liberty - Happiness

PRESIDENT
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS
has conferred
CERTIFICATE

Upon: **NGUYEN VAN NGHIEP**
Date of birth: **10/11/1984**
Completed training program:
MATERIALS TESTING AND INSPECTION FOR
TRANSPORTATION PROJECTS
Course duration: **03 days, from 26/08/2023 to 28/08/2023**
At: **Can Tho City**

Hanoi, September 13th 2023



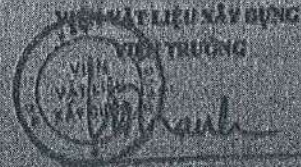
Reg. No.: 051/08.2019/2023-VI-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
cấp
CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

Cho: **NGUYỄN VĂN NGHỆP**
Ngày sinh: **10/11/1984**
Đã hoàn thành chương trình đào tạo:
THÍ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY
DỤNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
Thời gian học: **03 ngày, từ 26/08/2023 đến 28/08/2023**
Tại: **Thành phố Cần Thơ**

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2023



LÊ THÙNG THÀNH

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VIỆN TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



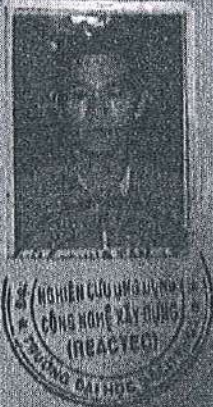
CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐHQG TP.HCM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG - REACTEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận ông/bà : *Nguyễn Văn Nghiệp*
Sinh ngày : *10* tháng *11* năm *1984*
Nơi sinh : *Bạc Liêu*
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về
Hà tầng và vật liệu xây dựng
(theo Đề án tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công
trình xây dựng ở Việt Nam)
Tổ chức từ ngày *30/09/2015* đến ngày *04/10/2015*
Tại : *Q. Tân Phú*



Số CSĐT: 1100000000

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐHQG TP.HCM
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
REACTEC

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO NGẮN HẠN

7. DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐÃ ĐƯỢC LÃNH ĐẠO PHÊ DUYỆT

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

DANH MỤC CÁC THỦ TỤC, QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

	Người biên soạn	Người kiểm tra	Người Phê duyệt
Họ tên	Đỗ Văn Tuyển	Nguyễn Thanh Long	Mai Duy Ân
Chức vụ	Thí nghiệm viên	Trưởng Phòng thí nghiệm	Giám Đốc
Ký tên			

TT	TÊN TÀI LIỆU ISO/IEC 17025	MÃ SỐ	LẦN BH	NGÀY BH
1.	Sổ tay chất lượng	STCL	01	10/01/2026
	Các qui trình			
2.	Quy trình đào tạo	QT 01	01	10/01/2026
3.	Quy trình quản lý , sử dụng, vận hành máy móc, trang thiết bị	QT 03	01	10/01/2026
4.	Quy trình lấy mẫu ,lưu mẫu,bảo quản và mã hóa mẫu thí nghiệm	QT 08	01	10/01/2026
5.	Quy trình thử nghiệm thành thạo / so sánh liên phòng	QT 09	01	10/01/2026
6.	Quy trình quản lý tài liệu kỹ thuật	QT 13	01	10/01/2026
	Thủ tục, các biểu mẫu và các tài liệu liên quan			
7.	Thủ tục về nhân sự	TT 01	01	10/01/2026
8.	Thủ tục theo dõi , kiểm soát và ghi nhận các điều kiện môi trường	TT 02	01	10/01/2026
9.	Thủ tục đối với việc xếp dỡ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và bảo trì theo kế hoạch các thiết bị để đảm bảo hoạt động tốt và để ngăn ngừa việc nhiễm bẩn hay hư hỏng	TT 03	01	10/01/2026
10.	Thủ tục liên kết chuẩn đo lường	TT 04	01	10/01/2026
11.	Thủ tục sản phẩm và dịch vụ do bên ngoài cung cấp	TT 05	01	10/01/2026
12.	Thủ tục đối với việc xem xét các yêu cầu, đề nghị thầu và hợp đồng	TT 06	01	10/01/2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

13.	Thủ tục lựa chọn và kiểm tra xác nhận phương pháp	TT 07	01	10/01/2026
14.	Thủ tục xác nhận giá trị sử dụng được dùng	TT 07.1	01	10/01/2026
15.	Thủ tục đối với việc vận chuyển, tiếp nhận, xử lý, bảo vệ, bảo quản, lưu giữ, hủy bỏ hay trả lại các đối tượng thử nghiệm hoặc hiệu chuẩn	TT 08	01	10/01/2026
16.	Thủ tục báo cáo kết quả thí nghiệm	TT 10	01	10/01/2026
17.	Thủ tục giải quyết khiếu nại	TT 11	01	10/01/2026
18.	Thủ tục về công việc không phù hợp	TT 12	01	10/01/2026
19.	Thủ tục giải quyết rủi ro và cơ hội	TT 14	01	10/01/2026
20.	Thủ tục hành động khắc phục và cải tiến	TT 15	01	10/01/2026
21.	Thủ tục đánh giá nội bộ	TT 16	01	10/01/2026
22.	Thủ tục xem xét của lãnh đạo	TT 17	01	10/01/2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

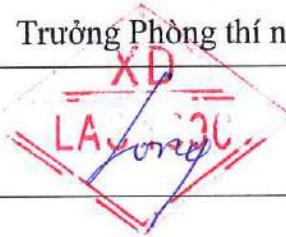
Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

DANH MỤC TÀI LIỆU TIÊU CHUẨN VIỆT NAM (TCVN)

Mã số : QT13

Ngày ban hành : 10/01/2026

	Người biên soạn	Người kiểm tra	Người Phê duyệt
Họ tên	Đỗ Văn Tuyển	Nguyễn Thanh Long	Mai Duy Ân
Chức vụ	Thí nghiệm viên	Trưởng Phòng thí nghiệm	Giám Đốc
Ký tên			



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Năm BH	Soát xét
I.	THỬ NGHIỆM XI MĂNG			
1.	Xác định độ mịn , khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	2023	
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011	2011	
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	2015	
4.	Xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim vicat cải biến	TCVN 8875:2012	2012	
5.	Hàm lượng mất khi nung, cặn không tan, MgO, SO ₃ (phương pháp phân tích hóa học)	TCVN 141:2023	2023	
6.	Hàm lượng mất khi nung, cặn không tan, MgO, SO ₃ (phương pháp phân tích hóa học)	TCVN 6820:2015	2015	
II.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
7.	Thí nghiệm lựa chọn thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	2012	
8.	Thí nghiệm lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	2014	
9.	Hỗn hợp bê tông và bê tông-Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

10.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	2022	
11.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp của bê tông	TCVN 3108:1993	1993	
12.	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	1993	
13.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022	2022	
14.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	2022	
15.	Khối lượng thể tích của bê tông xi măng	TCVN 3115:2022	2022	
16.	Xác định độ chống thấm nước – phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022	2022	
17.	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:2022	2022	
18.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	2022	
III.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GÓC			
19.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	2006	
20.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006	2006	
21.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	2006	
22.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	2006	
23.	Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hồng	TCVN 7575-6:2006	2006	
24.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	2006	
25.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	2006	
26.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	2006	
27.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	2006	
28.	Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324 : 2014	2014	
29.	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	2006	
30.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	2006	
31.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	2006	
32.	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic	TCVN 7572-14:2006	2006	
33.	Xác định hàm lượng ion Clo	TCVN 7572-15:2006	2006	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

34.	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	2017	
35.	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	2006	
36.	Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	2006	
37.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	2006	
38.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	2006	
39.	Xác định độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sunfat hoặc magnesi sunfat	TCVN 7572-22:2018	2018	
40.	Xác định hàm lượng vỏ sò trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754 : 2023	2023	
41.	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 0.075mm bằng phương pháp rửa	TCVN 9205: 2012	2012	
42.	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 0.075mm bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4 : 2024	2024	
iv.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG			
43.	Xác định khối lượng riêng của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012	2012	
44.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012	2012	
45.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo	TCVN 14134-4:2024	2024	
46.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012	2012	
47.	Xác định thành phần hạt bằng phương pháp sàng khô	TCVN 14135-5:2024	2024	
48.	Xác định thành phần hạt	TCVN 14134-3:2024	2024	
49.	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014	2014	
50.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	2012	
51.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012	2012	
52.	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	2020	
53.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020	2020	
54.	Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất	TCVN 8724:2012	2012	
55.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8726:2012	2012	
56.	Xác định hàm lượng muối dễ hòa tan.	TCVN 8727:2012 TCVN 9436 :2012	2012	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

		Phụ lục D		
57.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	2012	
v.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN			
58.	Thử kéo (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm)	TCVN 197-1:2014 ,TCVN 7937 -1 :2013, TCVN 7937 -2 :2013, TCVN 7937 -3 :2013	2014; 2013	
59.	Thử uốn (thanh, dây và sợi làm cốt, lưới hàn, thép dự ứng lực, thép hình, thép tấm)	TCVN 198:2008 TCVN 7937 -1 :2013, TCVN 7937 -2 :2013, TCVN 7937 -3 :2013	2008, 2013	
60.	Đo các đặc trưng hình học và xác định sai lệch khối lượng danh nghĩa một mét dài (thanh, dây và sợi làm cốt, thép dự ứng lực)	TCVN 7937 -1 :2013, TCVN 7937 -3 :2013	2013	
61.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử uốn	TCVN 5401:2010	2010	
62.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	2010	
63.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010	2010	
64.	Thử kéo dây kim loại	TCVN 1824:1993	1993	
65.	Thử nghiệm thép thanh cốt thép bê tông - thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997	1997	
66.	Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống kim loại	TCVN 314:2008, TCVN 197-1:2014	2008, 2014	
67.	Thử kéo, thử uốn mối hàn lưới kim loại	TCVN 7937-2:2013, TCVN 197-1:2014	2013, 2014	
68.	Thử nghiệm mối nối bằng ống ren (coupler)	TCVN 13711-2:2023, TCVN 197-1:2014	2023, 2014	
vi.	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY, VỮA RÓT KHÔNG CƠ NGÓT, VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC			
69.	Xác định tra kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	2022	
70.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	2022	
71.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	2022	
72.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	2022	
73.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

	đã đóng rắn			
74.	Xác định độ hút nước	TCVN 3121-18:2022		
VII.	THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
75.	Xác định vẩn dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012	2012	
76.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	1998	
77.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	1988	
78.	Độ pH của nước	TCVN 6492:2011	2011	
79.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	1996	
80.	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200 :1996	1996	
81.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	1996	
VIII.	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
82.	Xác định khối lượng thể tích của đất, độ chặt đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012	2020, 2012	
83.	Xác khối lượng thể tích của đất , đá, độ chặt đất, đá tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012, 22 TCN 346 : 2006	2012 2006	
84.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011	2011	
85.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	2011	
86.	Xác định môđun đàn hồi “E” chung của kết cấu áo đường bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2025	2025	
87.	Xác định modul đàn hồi “E” nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	2011	
88.	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	2012	
89.	Thí nghiệm sức chịu tải cọc bằng phương pháp sử dụng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	2012	
90.	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	2012	
91.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCVN 10303:2014	2020, 2014	
IX.	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG			
92.	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2024	2024	
93.	Xác định hàm lượng tro	TCVN 8826:2024	2024	
94.	Xác định tỷ trọng	TCVN 8826:2024	2024	
95.	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012	2012	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

X. THỬ NGHIỆM GẠCH ĐÁT SÉT NUNG				
96.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	2009	
97.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	2009	
98.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	2009	
99.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	2009	
100.	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009	2009	
101.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	2009	
XI. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG				
102.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	2016	
103.	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	2016	
104.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	2016	
105.	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	2016	
106.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	2009	
XII. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
107.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	1999	
108.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	1999	
109.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6355-4:2009	2009	
XIII. THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ				
110.	Xác định kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước, độ phẳng mặt thẳng cạnh	TCVN 9030:2017	2017	
111.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	2022	
112.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	2017	
113.	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	2017	
XIV. THỬ NGHIỆM BITUM (NHỰA ĐƯỜNG), NHỰA ĐƯỜNG POLYME				
114.	Xác định độ kim lún Xác định chỉ số độ kim lún (PI)	TCVN 7495:2005, TCVN 13567-1:2022 (Phụ lục A.2)	2005	
115.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	2005	
116.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương	TCVN 7497:2005	2005	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

	pháp vòng và bi)			
117.	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005	2005	
118.	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005	2005	
119.	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene và N-propyl Bromide	TCVN 7500:2023	2023	
120.	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005	2005	
121.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005	2005	
xv.	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
122.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011	2011	
123.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011	2011	
124.	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	2011	
125.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	2011	
126.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	2011	
127.	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011	2011	
128.	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	2011	
129.	Xác định hệ số độ chặt lu lên của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011	2011	
130.	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011	2011	
131.	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011	2011	
132.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2011	2011	
133.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	2011	
134.	Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế cấp phối theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	2011	
xvi.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
135.	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	2020	
136.	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:2020	2020	
137.	Xác định chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012	2012	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

138.	Khối lượng riêng	TCVN 8735:2012	2012	
139.	Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	2020	
XVII.	THỬ NGHIỆM CỌC BÊ TÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC (THỬ NGHIỆM TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT)			
140.	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật cọc; Độ bền uốn nứt thân cọc; Độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục; Khả năng bền cắt thân cọc; Độ bền uốn gãy thân cọc; Độ bền uốn mối nối	TCVN 7888:2014	2014	
XVIII.	THỬ NGHIỆM CỐNG HỘP BÊ TÔNG CỐT THÉP (THỬ NGHIỆM TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT)			
141.	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật, kích thước và đo sai lệch kích thước; Khả năng chịu tải của đốt cống; Xác định khả năng chống thấm của cống hộp	TCVN 9116:2012	2012	
XIX.	THỬ NGHIỆM ỐNG CỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC (THỬ NGHIỆM TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT)			
142.	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật, kích thước và độ vuông góc của đầu ống cống; Khả năng chịu tải của đốt cống; Kiểm tra độ thấm nước	TCVN 9113:2012	2012	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

DANH MỤC TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI (TCNN)

Mã số : QT13

Ngày ban hành : 10/01/2026

	Người biên soạn	Người kiểm tra	Người Phê duyệt
Họ tên	Đỗ Văn Tuyền	Nguyễn Thanh Long	Mai Duy Ân
Chức vụ	Thí nghiệm viên	Trưởng Phòng thí nghiệm	Giám Đốc
Ký tên			

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
I.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1.	Standard Test Method for Fineness of Hydraulic Cement by the 45- μ m (No. 325) Sieve	ASTM C430 – 25	2025	
2.	Standard Method of Test for Fineness of Hydraulic Cement by the 45- μ m (No. 325) Sieve	ASHTO T192 - 23	2023	
3.	Standard Test Method for Density of Hydraulic Cement	ASTM C188 – 25	2025	
4.	Standard Method of Test for Density of Hydraulic Cement	AASHTO T133 - 22	2022	
5.	Standard Test Method for Compressive Strength of Hydraulic Cement Mortars (Using 2-in. or [50-mm] Cube Specimens)	ASTM C109/C109M - 24	2024	
6.	Standard Test Method for Normal Consistency of Hydraulic Cement	ASTM C187 - 23	2023	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
7.	Standard Test Method for Time of Setting of Hydraulic Cement by Vicat Needle	ASTM C191 – 21	2021	
8.	Standard Method of Test for Time of Setting of Hydraulic Cement by Vicat Needle	AASHTO T131 - 23	2023	
9.	Standard Test Methods for Chemical Analysis of Hydraulic Cement	ASTM C114 - 24	2024	
II.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
10.	Standard Practice for Making and Curing Concrete Test Specimens in the Field	ASTM C31/C31M-25a	2025	
11.	Standard Test Method for Slump of Hydraulic-Cement Concrete	ASTM C143/C143M - 20	2020	
12.	Standard Method of Test for Slump of Hydraulic Cement Concrete	AASHTO 119M/T 119 - 23	2023	
13.	Standard Test Method for Density (Unit Weight), Yield, and Air Content (Gravimetric) of Concrete	ASTM C138/138M – 24a	2024	
14.	Standard Method of Test for Density (Unit Weight), Yield, and Air Content (Gravimetric) of Concrete	AASHTO T121M/T 121-24	2024	
15.	Standard Test Method for Density, Absorption, and Voids in Hardened Concrete	ASTM C642 - 21	2021	
16.	Standard Test Method for Compressive Strength of Cylindrical Concrete Specimens	ASTM C39/C39M -24	2024	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
17.	Standard Method of Test for Compressive Strength of Cylindrical Concrete Specimens	AASHTO T22M/T22 - 22	2022	
18.	Standard Test Method for Splitting Tensile Strength of Cylindrical Concrete Specimens	ASTM C496/C496M – 17	2017	
19.	Standard Method of Test for Splitting Tensile Strength of Cylindrical Concrete Specimens	AASHTO T198 - 22	2022	
20.	Testing fresh concrete - Part 1: Sampling and common apparatus	BS EN 12350-1 : 2019	2019	
21.	Testing Fresh Concrete – slump test	BS EN 12350-2 : 2019	2019	
22.	Testing fresh concrete Density	BS EN 12350-6 : 2019	2019	
23.	Testing hardened concrete - Part 3: Compressive strength of test specimens	BS EN 12390-3 : 2019	2019	
24.	Testing hardened concrete. Density of hardened concrete	BS EN 12390-7 : 2019	2019	
III.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GÓC			
25.	Standard Test Method for Sieve Analysis of Fine and Coarse Aggregates	ASTM136/C136M - 25	2025	
26.	Standard Method of Test for Sieve Analysis of Fine and Coarse Aggregates	AASHTO T27 - 24	2024	
27.	Standard Test Method for Density, Relative Density (Specific Gravity), and Absorption of Coarse Aggregate	ASTM C128 – 25 ; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22	2025, 2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
28.	Standard Test Method for Bulk Density ("Unit Weight") and Voids in Aggregate	ASTM C29/C29M-23	2023	
29.	Standard Method of Test for Bulk Density ("Unit Weight") and Voids in Aggregate	AASHTO T19M/T19 - 22	2022	
30.	Standard Test Method for Total Evaporable Moisture Content of Aggregate by Drying	ASTM C566 - 19	2019	
31.	Standard Method of Test for Total Evaporable Moisture Content of Aggregate by Drying	ASHTO T255 - 22	2022	
32.	Standard Test Method for Clay Lumps and Friable Particles in Aggregates	ASTM C142/C142M-17(2023)	2023	
33.	Standard Method of Test for Clay Lumps and Friable Particles in Aggregate	AASHTO T112- 23	2023	
34.	Standard Test Method for Organic Impurities in Fine Aggregates for Concrete	ASTM C40/C40M - 20	2020	
35.	Standard Method of Test for Organic Impurities in Fine Aggregates for Concrete	AASHTO T21M/T21 - 20	2020	
36.	Standard Test Method for Unconfined Compressive Strength of Intact Rock Core Specimens	ASTM D7012 - 23	2023	
37.	Standard Test Method for Resistance to Degradation of Large-Size Coarse Aggregate by Abrasion and Impact in the Los Angeles Machine	ASTM C131/C131M - 20	2020	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
38.	Standard Method of Test for Resistance to Degradation of Small-Size Coarse Aggregate by Abrasion and Impact in the Los Angeles Machine	AASHTO T96 -22	2022	
39.	Standard Test Method for Flat Particles, Elongated Particles, or Flat and Elongated Particles in Coarse Aggregate	ASTM D4791 – 19(2023)	2023	
40.	Standard Test Method for Sand Equivalent Value of Soil sand Fine Aggregate	ASTM D2419-22	2022	
41.	Standard Test Method for Soundness of Aggregates by Use of Sodium Sulfate or Magnesium Sulfate	ASTM C88/C88M – 24	2024	
42.	Standard Method of Test for Soundness of Aggregate by Use of Sodium Sulfate or Magnesium Sulfate	AASHTO T104 - 22	2022	
43.	Standard Method of Test for Plastic Fines in Graded Aggregates and Soils by Use of the Sand Equivalent Test	AASHTO T176 -22	2022	
44.	Standard Test Method for Lightweight Particles in Aggregate	ASTM C123/C123M - 23	2023	
45.	Standard Method of Test for Lightweight Pieces in Aggregate	AASHTO T113- 25	2025	
46.	Standard Test Method for Materials Finer than 75- μ m (No. 200) Sieve in Mineral Aggregates by Washing	ASTM C117 – 23	2023	
47.	Standard Test Method for Materials Finer than 75- μ m (No. 200) Sieve in Mineral Aggregates	AASHTO T11 - 24	2024	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	by Washing			
48.	Determination of particle size distribution sieving method	BS EN 933 -1 : 2012	2012	
49.	Tests for geometrical properties of aggregates Part 3: Determination of particle shape — Flakiness index	BS EN 933 -3 : 2012	2012	
50.	Tests for geometrical properties of aggregates Part4:Determination of particle shape—Shape index	BS EN 933 -4 : 2009	2009	
51.	Determination of loose bulk density and voids	BS EN 1097 -3 : 1998	1998	
52.	Tests for mechanical and physical properties of aggregates Determination of particle density and water absorption	BS EN 1097 -6 : 2008	2008	
IV.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG			
53.	Standard Test Methods for Specific Gravity of Soil Solids by the Water Displacement Method	ASTM D854 - 23	2023	
54.	Standard Method of Test for Specific Gravity of Soils	AASHTO T100 -22	2022	
55.	Standard test method for laboratory determination of water (moisture) content of soil and rock	ASTM D2216 - 19	2019	
56.	Standard Method of Test for Laboratory Determination of Moisture Content of Soils	AASHTO T265 - 22	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
57.	Standard Test Methods for Liquid Limit, Plastic Limit, and Plasticity Index of Soils	ASTM D4318-17e1	2017	
58.	Standard Method of Test for Determining the Liquid Limit of Soils	AASHTO T89-22	2022	
59.	Standard Method of Test for Determining the Plastic Limit and Plasticity Index of Soils	AASHTO T90-22	2022	
60.	Standard Test Methods for particle size analysis of soils	AASHTO T88 - 22	2022	
61.	Standard test methods for laboratory determination of density (unit weight) of soil specimens	ASTM D7263 - 21	2021	
62.	Standard Test Method for CBR (California Bearing Ratio) of Soils in Place	AASHTO T193 - 22	2022	
63.	Standard Method of Test for Moisture-Density Relations of Soils Using a 2.5-kg (5.5-lb) Rammer and a 305-mm (12-in.) Drop	AASHTO T99 - 22	2022	
64.	Standard Method of Test for Moisture-Density Relations of Soils Using a 4.54-kg (10-lb) Rammer and a 457-mm (18-in.) Drop	AASHTO T180 - 22	2022	
65.	Standard Test Methods for Moisture, Ash, and Organic Matter of Peat and Other Organic Soils	AASHTO T267 -22	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
66.	Standard Test Methods for Determining the Water (Moisture) Content, Ash Content, and Organic Material of Peat and Other Organic Soils	ASTM D2974-25	2025	
V.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN			
67.	Standard Test Methods and Definitions for Mechanical Testing of Steel Products	ASTM A370 – 24a	2024	
68.	Metallic materials-Tensile testing - Method of test at room temperature	JIS Z 2241- 2022	2022	
69.	Metallic Materials - Bend Test	JIS Z 2248- 2022	2022	
70.	Standard Test Methods for Tension Testing of Metallic Materials	ASTM E8/E8M-24	2024	
71.	Standard Test Methods for Bend Testing of Material for Ductility	ASTM E290 -22	2022	
72.	Standard Method of Test for Tension Testing of Metallic Materials	AASHTO T68M/T68 - 09	2009	
73.	Standard Test Method for Guided Bend Test for Ductility of Welds	ASTM E190 - 21	2021	
74.	Standard Test Methods for Determining the Mechanical Properties of Externally and Internally Threaded Fasteners, Washers, and Rivets	ASTM F606/F606M-25	2025	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
VI.	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
75.	Standard Test Method for Time of Setting of Grouts for Preplaced-Aggregate Concrete in the Laboratory	ASTM C953-24	2024	
76.	Standard Test Method for Compressive Strength of Hydraulic Cement Mortars (Using 2-in. or [50-mm] Cube Specimens	ASTM C109/C109M - 24	2024	
77.	Standard Test Method for Compressive Strength of Grouts for Preplaced-Aggregate Concrete in the Laboratory	ASTM C942/C942M-21	2021	
78.	Standard Test Method for Flexural Strength of Hydraulic-Cement Mortars	ASTM C348-21	2021	
79.	Standard Test Method for Compressive Strength of Hydraulic-Cement Mortars	ASTM C349-24	2024	
80.	Standard Method of Test for Compressive Strength of Hydraulic Cement Mortar	AASHTO T 106M/T 106 -22	2022	
VII.	THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
81.	Standard Test Methods for pH of Water	ASTM D1293 - 18	2018	
82.	Standard Test Method for Sulfate Ion in Water	ASTM D516 - 22	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
VIII.	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
83.	Standard Test Method for Density of Soil in Place by the Drive-Cylinder Method	ASTM D2937 - 24	2024	
84.	Standard Test Method for Density and Unit Weight of Soil in Place by the Sand-Cone Method	AASHTO T191-14(2022)	2022	
85.	Standard Test Method for Density and Unit Weight of Soil in Place by Sand-Cone Method	ASTM D1556/D1556M-24	2024	
86.	Standard Test Method for Measuring Pavement Macrottexture Depth Using a Volumetric Technique	ASTM E965-15(2024)	2024	
87.	Standard Test Method for Rebound Number of Hardened Concrete	ASTM C805/C805M - 25	2025	
88.	Standard Test Methods for Deep Foundation Elements Under Static Axial Compressive Load	ASTM D1143/D1143M-20e1	2020	
89.	Standard Test Method for Obtaining and Testing Drilled Cores and Sawed Beams of Concrete	ASTM C42/C42M - 20	2020	
IX.	THỬ NGHIỆM BITUM (NHỰA ĐƯỜNG), NHỰA ĐƯỜNG POLYME			
90.	Standard Practice for Sampling Bituminous Materials	ASTM D140/D140M-16(2023)	2023	
91.	Standard Test Method for	ASTM D5/D5M -20	2020	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	Penetration of Bituminous Materials			
92.	Standard Test Method for Ductility of Bituminous Materials	ASTM D113/D113M-17(2023)e1	2023	
93.	Standard Method of Test for Ductility of Asphalt Materials	AASHTO T51 - 22	2022	
94.	Standard Test Method for Softening Point of Bitumen (Ring-and-Ball Apparatus)	ASTM D36/D36M-14(2020)	2020	
95.	Standard Method of Test for Softening Point of Bitumen (Ring-and-Ball Apparatus)	AASHTO T53 - 22	2022	
96.	Standard Test Method for Flash and Fire Points by Cleveland Open Cup Tester	ASTM D92 - 24	2024	
97.	Standard Test Method for Flash Point of Cutback Asphalt with Tag Open-Cup Apparatus	ASTM D3143/D3143M-19	2019	
98.	Standard Method of Test for Flash Point of Asphalt Binder by Cleveland Open Cup	AASHTO T48 – 22	2022	
99.	Standard Test Method for Loss on Heating of Oil and Asphaltic Compounds	ASTM D6/D6M-95(2024)	2024	
100.	Standard Test Method for Solubility of Asphalt Materials in Trichloroethylene	ASTM D2042 – 22	2022	
101.	Standard Method of Test for	AASHTO T44 - 23	2023	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	Solubility of Bituminous Materials			
102.	Standard Test Method for Density of Semi-Solid Bituminous Materials (Pycnometer Method)	ASTM D70/D70M- 21	2021	
103.	Standard Test Method for Solubility of Asphalt Materials in N-Propyl Bromide	ASTM D7553-15(2021)	2021	
104.	Standard Practice for Effect of Water on Bituminous-Coated Aggregate Using Boiling Water	ASTM D3625/D3625M-20(2024)	2024	
X.	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
105.	Standard Method of Test for Resistance to Plastic Flow of Asphalt Mixtures Using Marshall Apparatus	AASHTO T245 – 22	2022	
106.	Standard Test Method for Marshall Stability and Flow of Asphalt Mixtures	ASTM D6927-22	2022	
107.	Standard Method of Test for Quantitative Extraction of Asphalt Binder from Asphalt Mixtures	AASHTO T164 - 24	2024	
108.	Standard Test Methods for Quantitative Extraction of Asphalt Binder from Asphalt Mixtures	ASTM D2172/D2172M-24	2024	
109.	Standard Test Method for Sieve Analysis of Fine and Coarse Aggregates	AASHTO T27 - 24	2024	
110.	Standard Test Method for Sieve Analysis of Fine and Coarse	ASTM C136/C136M - 19	2029	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	Aggregates			
111.	Standard Method of Test for Theoretical Maximum Specific Gravity (Gmm) and Density of Asphalt Mixtures	AASHTO T209 - 23	2023	
112.	Standard Test Method for Theoretical Maximum Specific Gravity and Density of Asphalt Mixtures	ASTM D2041/D2041M - 19	2019	
113.	Standard Test Method for Bulk Specific Gravity and Density of Non-Absorptive Compacted Bituminous Mixtures	AASHTO T166 - 24	2024	
114.	Standard Test Method for Bulk Specific Gravity and Density of Non-Absorptive Compacted Asphalt Mixtures	ASTM D2726/D2726M- 21	2021	
115.	Standard Test Method for Determination of Draindown Characteristics in Uncompacted Asphalt Mixtures	ASTM D6390-23	2023	
116.	Standard Method of Test for Determination of Draindown Characteristics in Uncompacted Asphalt Mixtures	AASHTO T305-22	2022	
117.	Standard Method of Test for Uncompacted Void Content of Fine Aggregate	AASHTO T304-22	2022	
118.	Standard Test Method for Percent Air Voids in Compacted Dense and Open Bituminous Paving Mixtures	AASHTO T269-24	2024	
119.	Standard Test Method for Percent Air Voids in Compacted Asphalt	ASTM D3203 - 22	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	Mixtures			
XI.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
120.	Standard Method of Test for Sieve Analysis of Mineral Filler for Asphalt Mixtures	AASHTO T37-07(2020)	2020	
121.	Standard Method of Test for Specific Gravity of Soils	AASHTO T100-22	2022	
XII.	THỬ NGHIỆM CỌC BÊ TÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC			
122.	Precast prestressed concrete products	JIS A5373 : 2016	2016	

**8. DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ - DỤNG CỤ PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ HƯỚNG DẪN
SỬ DỤNG THIẾT BỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 20/HĐMB/2020

HỢP ĐỒNG

(V/v Mua bán thiết bị)

Căn cứ vào Luật Dân sự số 91/2015.QH.13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ luật thương mại số: 36/2005 – QH11 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;

Hôm nay, ngày 16 tháng 12 năm 2020, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

- Đại diện: Ông Lê Vũ Linh - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 406, đường Nguyễn Trãi, khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: 00913692995 - Fax:
- Mã số thuế: 2001337296
- Tài khoản số: 1017898189 ; Ngân hàng vietcombank – CN Cà Mau

BÊN B : Cửa hàng Điện tử Hoàng Túc

- Đại diện: Bà NGUYỄN THỊ KIM TƯƠI, Chức vụ: Chủ cửa hàng.
- Địa chỉ: Số 156 Bis, đường Mậu Thân, phường An Phú, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
- Điện thoại: 0798898055
- Mã số thuế: 8131586625
- Tài khoản số: 0041008102023 tại: Ngân hàng An Bình (ABBANK) – Chi nhánh An Nghiệp, TP.Cần Thơ

Sau khi trao đổi bản bạc thống nhất, hai bên ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều I : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các thiết bị mới 100% chưa qua sử dụng như sau:

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	S L	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ
1	Máy nén uốn xi măng 300 kN	Bộ	01	58.500.000	58.500.000	
2	Cân điện tử Ohaus 3 kgModel: V11P3	Bộ	01	4.600.000	4.600.000	
3	Cân điện tử Ohaus 30 kgModel: RC21P30	Bộ	01	6.300.000	6.300.000	
4	Kịch thủy lực 15 tấn	Bộ	01	11.500.000	11.500.000	
5	Kịch thủy lực 100 tấn	Bộ	01	18.200.000	18.200.000	
6	Đồng hồ so 50 mm - Mitutoyo	Bộ	04	2.600.000	10.400.000	
7	Cân Benkelman	Bộ	01	14.600.000	14.600.000	
8	Phễu rót cát	Bộ	01	3.000.000	3.000.000	
9	Chân đế từ	Bộ	04	270.000	1.080.000	
Tổng:					128.180.000	

*Bằng chữ: (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).
Kèm theo báo giá, giải thích chi tiết kỹ thuật của từng thiết bị*

Điều II: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Thời gian giao hàng và thực hiện hợp đồng 04 tuần sau khi hai bên kí hợp đồng thực hiện.

- Nơi giao thiết bị: Phòng thí nghiệm của **CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Điều III: THANH TOÁN HỢP ĐỒNG.

Tổng giá trị hợp đồng là: **128.180.000 đ (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)**. Sẽ được bên A thanh toán cho bên B như sau: Thanh toán 70% hợp đồng để xác nhận đơn hàng, thanh toán 30% còn lại của hợp đồng sau khi Bên B thực hiện xong công việc và thiết bị đạt yêu cầu kỹ thuật nhận đủ hàng và hóa đơn theo hợp đồng này.

Thông tin tài khoản; NGUYỄN THỊ KIM TƯƠI

Tài khoản số: 0041008102023 tại Ngân hàng An Bình (ABBANK) – Chi nhánh An Nghiệp, TP.Cần Thơ

Điều IV: BẢO HÀNH

Bên B giao hàng phải đúng theo yêu cầu kỹ thuật, thời gian bảo hành thiết bị miễn phí 12 tháng cho những hư hỏng do lỗi kỹ thuật. Không bảo hành sản phẩm bị cháy nổ và vận hành không đúng kỹ thuật

ĐIỀU V: ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HỢP ĐỒNG

Bên B; Bảo đảm giao hàng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của Bên A và đúng thời gian theo hợp đồng, khi thanh toán phải xuất hóa đơn tài chính. Nếu Bên B không thực hiện theo đúng thời gian hợp đồng và có sự thiệt hại ảnh hưởng đến sản xuất thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi hoàn sự thiệt hại tính theo thực tế của dây truyền sản xuất.

Bên A: Cử người đại diện để giám sát, kiểm tra các thông số kỹ thuật của thiết bị mà Bên B cung cấp, đảm bảo cho việc giao nhận và nhiệm vụ.

ĐIỀU VI: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Nếu có khó khăn vướng mắc hoặc thay đổi bổ sung phải bàn bạc, thỏa thuận và có sự thống nhất của hai bên bằng văn bản. Bên nào vi phạm hay đơn phương hủy bỏ hợp đồng thì phải bồi thường mọi thiệt hại cho bên kia theo đúng luật định về hợp đồng kinh tế.

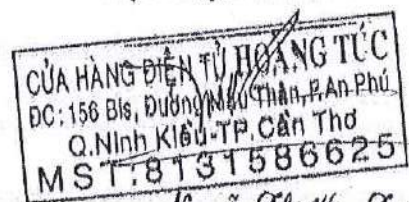
Sau khi thực hiện hợp đồng, hai bên đều thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng thì hợp đồng xem như được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị ngang nhau kể từ ngày ký

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



CỤC THUẾ TP. CẦN THƠ



HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Liên 2: Giao cho người mua

Mẫu số: 02GT/TT3/001

Ký hiệu: 18AA/20P

Số: 0006412

Ngày...04...tháng...01...năm 2024

Đơn vị bán hàng:

CỬA HÀNG ĐIỆN TỬ HOÀNG TỨC
ĐC: 156 Bis, Đường Mậu Thân, P. An Phú
Q. Ninh Kiều - TP. Cần Thơ
MST: 8131586625

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

079.889.8055

Số tài khoản

00.41.00.810.20.23

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty CP Kiểm Định Xây Dựng 3A

Mã số thuế: 200.133.7296

Địa chỉ: 406, Đường Nguyễn Trãi, Khóm 6, Phường 9, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản 101.789.8189

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Máy rửa bồn xi măng 300KN	Bộ	01	58.500.000	58.500.000
02	Cân điện tử Vibra 6kg	Bộ	01	4.600.000	4.600.000
03	Cân điện tử Ohaus 30kg	Bộ	01	6.300.000	6.300.000
04	Kịch thủy lực 15 tấn	Bộ	01	11.500.000	11.500.000
05	Kịch thủy lực 100 tấn	Bộ	01	18.200.000	18.200.000
06	Đồng hồ 50 50mm	Bộ	04	2.600.000	10.400.000
07	Cân Benkelman	Bộ	01	14.600.000	14.600.000
08	phễu rót cát	Bộ	01	3.000.000	3.000.000
09	Chân thép	Bộ	04	270.000	1.080.000

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ:

129.180.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Bán hàng qua điện thoại

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Kim Tuli

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

=== o0o ===

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 601 / 2026 / HDKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội thông ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ vào nhiệm vụ, khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Địa chỉ: 38/461, Đường 21 Tháng 4, Khu phố 2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

Tel: 0969342107

MST: 2001337296

Số TK: 5906201010615 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chi nhánh thành phố Long Khánh, Đồng Nai

Do Ông: **Mai Duy Ân** - Giám đốc - Làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số nhà 6, Ngõ 109/7, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

VPGD: LK 18+19, Lô 7A, Khu đất dịch vụ Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Tel: 0868.679.222

MST: 0108 654 054

Số TK: 4506.352.666 - Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN. Hà Đông

Số TK: 111.222.666.888 - Tại: ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - CN Hà Nội - PGD Hà Đông

Do Ông: **Nguyễn Quang Hưng** - Tổng Giám đốc - Làm đại diện

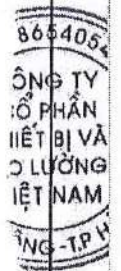
Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

Code	Tên thiết bị, thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	Thành tiền (VNĐ)
ME.0481	Máy đầm CBR/PROTOR tự động Model: CSK-VI Tốc độ đầm: 30 lần/ phút. Công suất mô tơ: 370W, 1440 v/ph Nguồn điện: 220V/50Hz Kèm: 01 cối proctor cải tiến, 01 cối proctor tiêu chuẩn + đĩa đệm. Đã bao gồm hiệu chuẩn thiết bị	TQ	1	bộ	21,300,000	8	23,004,000
ME.0706	Kích đo E 32 tấn, đồng hồ đủ 16 tấn Đã bao gồm giấy và tem hiệu chuẩn	VN	1	bộ	2,100,000	8	2,268,000

ME.0709	Bộ cân Benkenman Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1 làm bằng INOX, rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, có bọt thủy thẳng bằng, dễ sử dụng kèm 01 đồng hồ so 10x0.01mm Đã bao gồm giấy và tem hiệu chuẩn	VN	1	bộ	4,400,000	8	4,752,000
ME.0052	Máy nén bê tông 2000KN Model: TYA-2000 Nhãn hiệu: LongChen - Dải đo: 0~2000KN - Sai số: phù hợp theo TCVN, ASTM - Mẫu nén max: D150xH300; 200x200x200. - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam, - Hiện thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha. - Trọng lượng khoảng: 700kg Đã bao gồm tem và giấy hiệu chuẩn	TQ	2	bộ	42,000,000	8	90,720,000
ME.0700	Ống kê cao 200mm	VN	1	chiếc	500,000	8	540,000
ME.0704	Tấm ép cứng D330mm của bộ đo E	VN	1	chiếc	1,200,000	8	1,296,000
ME.0719	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, túi vải.	VN	1	bộ	800,000	8	864,000
	Sàng D300 các cỡ	TQ	34	chiếc	200,000	8	7,344,000
ME.0075	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	VN	6	chiếc	85,000	8	550,800
ME.0283	Thuốc đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3	VN	1	chiếc	550,000	8	594,000
ME.0723	Thuốc 3m với thuốc đo độ vững, loại gấp đôi.	TQ	1	chiếc	1,300,000	8	1,404,000
ME.1021	Khay nhôm chứa mẫu	VN	3	chiếc	35,000	8	113,400
ME.0714	Chụp dao vòng 200 cm3	VN	1	chiếc	150,000	8	162,000
ME.0715	Lưỡi dao vòng 200 cm3	VN	3	chiếc	150,000	8	486,000
	Tổng cộng:						134,098,200



Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

134,098,200 VND

Bằng chữ: Một trăm ba mươi tư triệu không trăm chín mươi tám nghìn hai trăm đồng.

Giá trên là giá đã bao gồm:

- Thuế VAT.
- Chi phí cấp giấy hiệu chuẩn thiết bị
- Phí vận chuyển đến Long Khánh Đồng Nai.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại Cơ quan bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng từ 1 đến 3 ngày kể từ ngày đặt hàng (với điều kiện Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng này).

- Địa điểm bàn giao thiết bị: tại Long Khánh Đồng Nai.

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền Đồng Việt Nam bằng chuyển khoản tại các thời điểm như sau:

+ Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B số tiền là **33.263.460 VND** (bằng chữ: Ba mươi ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng) ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.

+ Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B giá trị còn lại của hợp đồng là **100.834.740 VND** (Bằng chữ: Một trăm triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) ngay tại thời điểm giao hàng.

Điều 6: Các điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì cá nhân người đại diện bên này phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên kia về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà Nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà Nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này sẽ tự động được thanh lý sau khi Bên A thanh toán hết tiền cho Bên B, Bên B bàn giao toàn bộ thiết bị cho Bên A mà không có bất cứ phát sinh nào khác. Hàng hoá được hiểu là thuộc quyền sử hữu và định đoạt của Bên B cho đến thời điểm Bên A thanh toán hết số tiền theo Hợp đồng.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hùng



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C26TDL

Số (No.): 00000045

Ngày (Date) 23 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Mã QCT (Code): 00547A10638D294825946FD63DBEF73047

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0108654054

Địa chỉ (Address): Số nhà 6, ngõ 109/7, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 0868.679.222

Website: <https://dlvn.vn>

Số tài khoản (Bank account): 4506.352.666 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông

111.222.666.888 - Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hà Đông.

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Mã số thuế (Tax code): 2001337296

MSĐVCQHVNS (Budgetary unit code):

Địa chỉ (Address): Số 38/461, đường 21 tháng 4, khu phố 2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

Số tài khoản (Bank account):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Kích đo E 32 tấn, đồng hồ đủ 16 tấn.	Bộ	1	2.100.000	2.100.000	8%	168.000
2	Máy nén bê tông 2000KN Model: TYA-2000 Nhãn hiệu: Longchen	Bộ	2	42.000.000	84.000.000	8%	6.720.000
3	Bộ cần Benkenman	Bộ	1	4.400.000	4.400.000	8%	352.000
4	Ổng kê cao 200mm	Chiếc	1	500.000	500.000	8%	40.000
5	Tấm ép cứng D330mm của Bộ đo E	Chiếc	1	1.200.000	1.200.000	8%	96.000
6	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gìm, túi vải.	Bộ	1	800.000	800.000	8%	64.000
7	Sàng D300 mm các cỡ	Chiếc	34	200.000	6.800.000	8%	544.000
8	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	Chiếc	6	85.000	510.000	8%	40.800
9	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3	Chiếc	1	550.000	550.000	8%	44.000
10	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi.	Chiếc	1	1.300.000	1.300.000	8%	104.000
11	Khay nhôm chứa mẫu	Chiếc	3	35.000	105.000	8%	8.400
12	Máy đầm CBR/PROTOR tự động Model: CSK-VI	Bộ	1	21.300.000	21.300.000	8%	1.704.000
13	chụp dao vòng 200 cm3	Chiếc	1	150.000	150.000	8%	12.000
14	Lưỡi dao vòng 200 cm3	Chiếc	3	150.000	450.000	8%	36.000

SIT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)		Cộng tiền thanh toán (Total amount)
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):			124.165.000		9.933.200		134.098.200
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):			124.165.000		9.933.200		134.098.200
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): <i>Một trăm ba mươi bốn triệu không trăm chín mươi tám nghìn hai trăm đồng.</i>							

Người mua hàng (Buyer)
(Chữ ký số (nếu có))
(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)
(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY CỔ PHẦN

THIỆT BỊ VÀ ĐO
LƯỜNG VIỆT NAM

Ký ngày (Signing Date): 23/01/2026



Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): **8BFMIX0261BZ**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

9. HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÓA ĐƠN , CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI CÁC THIẾT BỊ ĐƯỢC ĐIỀU CHUYỂN TỪ CƠ QUAN KHÁC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.4003.26

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): TYA-2000 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 2511645

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất: 2000 kN

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$

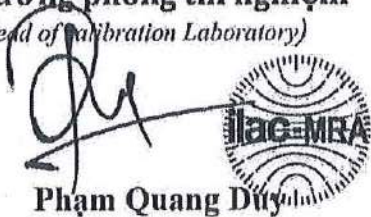
Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 01 - 27

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of Calibration Laboratory)



GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Ấn chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4003.26

	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0,0	0,00
2	300	301,2	-0,40
3	600	602,1	-0,35
4	900	903,2	-0,36
5	1200	1204,3	-0,36
6	1500	1505,6	-0,37
7	1800	1806,5	-0,36

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:

$$U = 1,0 \cdot 10^{-2}, k = 2, \text{ mức tin cậy } P \approx 95\%.$$

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is:

$$U = 1,0 \cdot 10^{-2}, k = 2, P \approx 95\%.$$



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0886.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.4004.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): **TYA-2000** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **2511644**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo lớn nhất: 2000 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

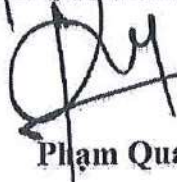
Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **05 - 01 - 27**

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Phạm Quang Dũng



GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kết quả hiệu chuẩn theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4004.26

	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
	0	0,0	0,00
2	300	301,1	-0,37
3	600	602,2	-0,37
4	900	903,5	-0,39
5	1200	1204,4	-0,37
6	1500	1505,8	-0,39
7	1800	1805,9	-0,33

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:

$$U = 1,0 \cdot 10^{-2}, k = 2, \text{ mức tin cậy } P \approx 95\%$$

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is:

$$U = 1,0 \cdot 10^{-2}, k = 2, P \approx 95\%.$$



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4005.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Cân đo Benkelman**

Kiểu (Type): **Đòn bẩy** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **4005.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn AASHTO T256**
Giá trị độ chia: 0,01mm; Tỷ lệ: 1:2

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 12**

Cân đo Benkelman- Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ căn mẫu song phẳng cấp 1

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **05 - 01 - 27**

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC

(Director)



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tuấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nên không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kính gửi giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.4005.26

Giá trị chuẩn (Standard Value)	Giá trị chỉ thị (Indicated Value)
1	0,49
3	1,48
4	1,97
5	2,48
7	3,46
8	3,97

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ: 25 °C; Độ ẩm tương đối: <70 %RH

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.4006.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Kích đo E**

Kiểu (Type): Thủy lực Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): 4006.26

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 16 Tấn
Áp kế: (0 ~ 60) MPa

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108:2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực (Force transducers)

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,3 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 05 - 01 - 27

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Phạm Quang Duy

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Tấn

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nên không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.4006.26



	Giá trị chỉ thị, MPa	Lực đo, kN (Reference Force, kN)
	0	0,00
2	5	15,00
3	10	28,97
4	15	42,53
5	20	55,87
6	25	69,98
7	30	83,67
8	35	97,57
9	40	111,84
10	45	124,80
11	50	138,70

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 2,7508x + 1,2447$$

Với y là lực (kN) và x là giá trị đọc trên kích (MPa)

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo $U = 1,2 \%$;
với xác suất tin cậy $P = 95 \%$, hệ số phủ $k = 2$.

**10. CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH/ HIỆU CHUẨN CÁC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM
(CÒN HIỆU LỰC)**

**11. HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI TRƯỞNG, PHÓ PHÒNG THÍ
NGHIỆM VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN ĐĂNG KÝ TRONG HỒ SƠ.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A
Số: 01/2025/HĐLĐ

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là ông: Mai Duy Ân. Quốc tịch: Việt Nam.
Chức vụ: Giám đốc,
Đại diện cho: Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A.
Điện thoại: 0969342107
Địa chỉ: Số 38/461 Đường 21/4, KP2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

Và một bên là ông: Nguyễn Thanh Long. Quốc tịch: Việt Nam.
Sinh ngày 12 tháng 6 năm 1977 tại Quảng Ngãi.
Nghề nghiệp: Kỹ sư.
Địa chỉ thường trú: Tổ 2, KP2 - Xuân Hòa - Long Khánh - Đồng Nai.
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: 05 năm.
- Từ ngày 15 tháng 08 năm 2025 đến ngày 15 tháng 08 năm 2030.
- Địa điểm làm việc: Số 38/461 Đường 21/4, KP2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.
- Chức danh chuyên môn: Trưởng phòng thí nghiệm.
- Chức vụ (nếu có):

- Công việc phải làm: - Phụ trách thiết kế, lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, hồ sơ thẩm tra, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát các công trình.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 6 ngày/tuần, 8h/ngày, buổi sáng từ 7g30-11g30; buổi chiều từ 13g30-17g30.

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy vi tính.

- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

I. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Được công ty cấp xe máy + xăng xe đi lại.
- Mức lương chính hoặc tiền công: Thang lương - Hệ số 1,24; Mức lương tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động là 5.480.800 đồng/tháng (Năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng).
- Hình thức trả lương: Tiền mặt.

- Phụ cấp gồm: 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

+ Phụ cấp cơm trưa: 1.000.000 đồng/tháng

+ Phụ cấp tiền điện thoại: 500.000 đồng/tháng

- Trang phục: 4.500.000 đồng/năm.

- Được trả lương vào các ngày: 30-31 hàng tháng.

- Tiền thưởng: 01 tháng lương/năm.

- Chế độ nâng lương: Theo quy định của Nhà nước và quy chế tiền lương của Công ty. Người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật và/hoặc không trong thời gian xử lý kỷ luật lao động và đủ điều kiện về thời gian theo quy chế lương thì được xét nâng lương.

- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Giày bảo hộ, áo bảo hộ, kính, dây an toàn, áo phao...



- Khám sức khỏe định kỳ: 1 lần vào tháng 6 hằng năm (Riêng đối với lao động nữ ngoài khám sức khỏe định kỳ còn được khám chuyên khoa phụ sản).
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo nội quy lao động của doanh nghiệp.
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Doanh nghiệp đóng 21.5% của mức lương chính (gồm: BHXH: 17.5%, BHYT: 3%, BHTN: 1%), Người lao động đóng 10.5% của mức lương chính (gồm: BHXH: 8%, BHYT: 1.5%, BHTN: 1%).
- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp CBNV được cử đi đào tạo thì nhân viên phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương, các quyền lợi khác được hưởng như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương khi người lao động làm việc không tròn tháng: Theo quy chế lương của công ty.
- Được hưởng các chế độ ngừng việc trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật lao động.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật lao động, an toàn lao động và các quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

3. Quyền hạn:

Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng qui định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2025. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Long Khánh ngày 15 tháng 08 năm 2025.

Người lao động
(Ký tên)
Ghi rõ Họ và Tên



Nguyễn Thanh Long

Người sử dụng lao động
(Ký tên, đóng dấu)
Ghi rõ Họ và Tên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A
Số: 02/2025/HĐLĐ

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là ông: **Mai Duy Ân**, Quốc tịch: Việt Nam.
Chức vụ: **Giám đốc**.
Đại diện cho: **Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A**.
Điện thoại: **0969342107**
Địa chỉ: **Số 38/461 Đường 21/4, KP2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai**.

Và một bên là ông: **Đỗ Văn Tuyển**, Quốc tịch: Việt Nam.
Sinh ngày **07 tháng 07 năm 1989** tại **Thái Bình**.
Nghề nghiệp: **Kỹ sư xây dựng**.
Địa chỉ thường trú: **KP1, P.Long Khánh, Đồng Nai**.
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: **05 năm**.
- Từ ngày **15 tháng 08 năm 2025** đến ngày **15 tháng 08 năm 2030**.
- Địa điểm làm việc: **Số 38/461 Đường 21/4, KP2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai**.
- Chức danh chuyên môn: **nhân viên thí nghiệm**.
- Chức vụ (nếu có):
- Công việc phải làm: - **Phụ trách thiết kế, lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, hồ sơ thẩm tra, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát các công trình**.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: **6 ngày/tuần, 8h/ngày, buổi sáng từ 7g30-11g30; buổi chiều từ 13g30-17g30**.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: **Máy vi tính**.
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: **Được công ty cấp xe máy + xăng xe đi lại**.
- Mức lương chính hoặc tiền công: **Thang lương - Hệ số 1,24; Mức lương tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động là 5.480.800 đồng/tháng (Năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng)**.
- Hình thức trả lương: **Tiền mặt**.

- Phụ cấp gồm: **1.500.000 đồng/tháng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)**.
 - + Phụ cấp cơm trưa: **1.000.000 đồng/tháng**
 - + Phụ cấp tiền điện thoại: **500.000 đồng/tháng**
- Trang phục: **4.500.000 đồng/năm**.
- Được trả lương vào các ngày: **30-31 hàng tháng**.
- Tiền thưởng: **01 tháng lương/năm**.
- Chế độ nâng lương: **Theo quy định của Nhà nước và quy chế tiền lương của Công ty. Người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật và/hoặc không trong thời gian xử lý kỷ luật lao động và đủ điều kiện về thời gian theo quy chế lương thì được xét nâng lương**.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: **Giày bảo hộ, áo bảo hộ, kính, dây an toàn, áo phao...**



- Khám sức khỏe định kỳ: 1 lần vào tháng 6 hằng năm (Riêng đối với lao động nữ ngoài khám sức khỏe định kỳ còn được khám chuyên khoa phụ sản).
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo nội quy lao động của doanh nghiệp.
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Doanh nghiệp đóng 21.5% của mức lương chính (gồm: BHXH: 17.5%, BHYT: 3%, BHTN: 1%). Người lao động đóng 10.5% của mức lương chính (gồm: BHXH: 8%, BHYT: 1.5%, BHTN: 1%).
- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp CBNV được cử đi đào tạo thì nhân viên phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương, các quyền lợi khác được hưởng như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương khi người lao động làm việc không tròn tháng: Theo quy chế lương của công ty.
- Được hưởng các chế độ ngừng việc trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật lao động.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật lao động, an toàn lao động và các quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

3. Quyền hạn:

Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng qui định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2025. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Long Khánh ngày 15 tháng 08 năm 2025.

Người lao động
(Ký tên)
Ghi rõ Họ và Tên


Đỗ Văn Tuyển

Người sử dụng lao động



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A
Số: 03/2025/HĐLĐ

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là ông: **Mai Duy Ân**. Quốc tịch: Việt Nam.
Chức vụ: **Giám đốc**.
Đại diện cho: **Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A**.
Điện thoại: **0969342107**
Địa chỉ: **Số 38/461 Đường 21/4, KP2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai**.

Và một bên là ông: **Trần Thế Hiệp**. Quốc tịch: Việt Nam.
Sinh ngày **03 tháng 07 năm 1994** tại **Đồng Nai**.
Nghề nghiệp: **Kỹ sư xây dựng**.
Địa chỉ thường trú: **Xã Xuân Định, T. Đồng Nai**.
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: **05 năm**.
- Từ ngày **15 tháng 08 năm 2025** đến ngày **15 tháng 08 năm 2030**.
- Địa điểm làm việc: **Số 38/461 Đường 21/4, KP2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai**.
- Chức danh chuyên môn: **Nhân Viên thí nghiệm**.
- Chức vụ (nếu có):
- Công việc phải làm: - **Phụ trách thiết kế, lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, hồ sơ thẩm tra, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát các công trình**.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: **6 ngày/tuần, 8h/ngày, buổi sáng từ 7g30-11g30; buổi chiều từ 13g30-17g30**.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: **Máy vi tính**.
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: **Được công ty cấp xe máy + xăng xe đi lại**.
- Mức lương chính hoặc tiền công: **Thang lương - Hệ số 1,24; Mức lương tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động là 5.480.800 đồng/tháng (Năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng)**.
- Hình thức trả lương: **Tiền mặt**.
- Phụ cấp gồm: **1.500.000 đồng/tháng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)**.
 - + **Phụ cấp cơm trưa: 1.000.000 đồng/tháng**
 - + **Phụ cấp tiền điện thoại: 500.000 đồng/tháng**
- **Trang phục: 4.500.000 đồng/năm**.
- **Được trả lương vào các ngày: 30-31 hàng tháng**.
- **Tiền thưởng: 01 tháng lương/năm**.
- **Chế độ nâng lương: Theo quy định của Nhà nước và quy chế tiền lương của Công ty. Người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật và/hoặc không trong thời gian xử lý kỷ luật lao động và đủ điều kiện về thời gian theo quy chế lương thì được xét nâng lương**.
- **Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Giày bảo hộ, áo bảo hộ, kính, dây an toàn, áo phao...**



- Khám sức khỏe định kỳ: Lần vào tháng 6 hằng năm (Riêng đối với lao động nữ ngoài khám sức khỏe định kỳ còn được khám chuyên khoa phụ sản).
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo nội quy lao động của doanh nghiệp.
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Doanh nghiệp đóng 21.5% của mức lương chính (gồm: BHXH: 17.5%, BHYT: 3%, BHTN: 1%). Người lao động đóng 10.5% của mức lương chính (gồm: BHXH: 8%, BHYT: 1.5%, BHTN: 1%).
- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp CBNV được cử đi đào tạo thì nhân viên phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương, các quyền lợi khác được hưởng như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương khi người lao động làm việc không tròn tháng: Theo quy chế lương của công ty.
- Được hưởng các chế độ ngừng việc trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật lao động.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật lao động, an toàn lao động và các quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

3. Quyền hạn:

Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

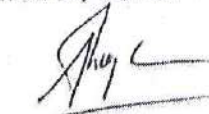
- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng qui định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2025. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Long Khánh ngày 15 tháng 08 năm 2025.

Người lao động
(Ký tên)
Ghi rõ Họ và Tên


Trần Thế Hiệp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A
Số: 04/2025/HDLĐ

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là ông: **Mai Duy Ân**. Quốc tịch: Việt Nam.
Chức vụ: **Giám đốc**.
Đại diện cho: **Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng 3A**.
Điện thoại: **0969342107**
Địa chỉ: **Số 38/461 Đường 21/4, KP2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.**

Và một bên là ông: **Nguyễn Văn Nghiệp**. Quốc tịch: Việt Nam.
Sinh năm 1984
Nghề nghiệp: **Kỹ sư xây dựng cầu đường**.
Địa chỉ thường trú: **KP3, P. Long Khánh, Đồng Nai**.
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: 05 năm.
- Từ ngày 15 tháng 08 năm 2025 đến ngày 15 tháng 08 năm 2030.
- Địa điểm làm việc: **Số 38/461 Đường 21/4, KP2, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.**
- Chức danh chuyên môn: **nhân viên thí nghiệm.**
- Chức vụ (nếu có):
- Công việc phải làm: - Phụ trách thiết kế, lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, hồ sơ thẩm tra, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát các công trình.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 6 ngày/tuần, 8h/ngày, buổi sáng từ 7g30-11g30; buổi chiều từ 13g30-17g30.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy vi tính.
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

I. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Được công ty cấp xe máy + xăng xe đi lại.
- Mức lương chính hoặc tiền công: Thang lương - Hệ số 1,24; Mức lương tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động là 5.480.800 đồng/tháng (*Năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng*).
- Hình thức trả lương: Tiền mặt.

- Phụ cấp gồm: 1.500.000 đồng/tháng (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*).
 - + Phụ cấp cơm trưa: 1.000.000 đồng/tháng
 - + Phụ cấp tiền điện thoại: 500.000 đồng/tháng
- Trang phục: 4.500.000 đồng/năm.
- Được trả lương vào các ngày: 30-31 hàng tháng.
- Tiền thưởng: 01 tháng lương/năm.
- Chế độ nâng lương: Theo quy định của Nhà nước và quy chế tiền lương của Công ty. Người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật và/hoặc không trong thời gian xử lý kỷ luật lao động và đủ điều kiện về thời gian theo quy chế lương thì được xét nâng lương.
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Giày bảo hộ, áo bảo hộ, kính, dây an toàn, áo phao...



- Khám sức khỏe định kỳ: 1 lần vào tháng 6 hằng năm (Riêng đối với lao động nữ ngoài khám sức khỏe định kỳ còn được khám chuyên khoa phụ sản).
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo nội quy lao động của doanh nghiệp.
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Doanh nghiệp đóng 21.5% của mức lương chính (gồm: BHXH: 17.5%, BHYT: 3%, BHTN: 1%). Người lao động đóng 10.5% của mức lương chính (gồm: BHXH: 8%, BHYT: 1.5%, BHTN: 1%).
- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp CBNV được cử đi đào tạo thì nhân viên phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương, các quyền lợi khác được hưởng như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương khi người lao động làm việc không tròn tháng: Theo quy chế lương của công ty.
- Được hưởng các chế độ ngừng việc trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật lao động.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật lao động, an toàn lao động và các quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

3. Quyền hạn:

Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng qui định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2025. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Long Khánh ngày 15 tháng 08 năm 2025.

Người lao động
(Ký tên)
Ghi rõ Họ và Tên

Nguyễn Văn Nghiệp

Nguyễn Văn Nghiệp

Người sử dụng lao động



**12. HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ HOẶC GIẤY TỜ CHỨNG MINH QUYỀN SỬ DỤNG HỢP
PHÁP ĐỊA ĐIỂM PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ BẢN VẼ MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT
BỊ PTN (Kích thước, vị trí đặt các thiết bị thí nghiệm, vị trí lưu mẫu, bảo dưỡng mẫu)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 1 tháng 3 năm 2025

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của các bên tham gia Hợp đồng;

Hôm nay, ngày 1 tháng 3 năm 2025 các Bên gồm:

BÊN CHO THUÊ (Bên A):

Ông: Đinh Ngọc Phúc

CCCD số 075084016114

SĐT: 0933837783

BÊN THUÊ (Bên B) :

Ông: Mai Duy Ân

0969342107

CCCD số 075094004181

Nơi ĐKTT: Ấp Suối Cát 2, Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**".

Sau khi thảo luận, Hai Bên thống nhất đi đến ký kết Hợp đồng thuê nhà ("**Hợp Đồng**") với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

Điều 1. Nhà ở và các tài sản cho thuê kèm theo nhà ở:

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B cũng đồng ý thuê quyền sử dụng đất và một căn nhà 1 tầng gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 38/461 đường 21 tháng 4, Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để sử dụng làm nơi để ở.

Diện tích quyền sử dụng đất 110m²;

Diện tích căn nhà 110 m²;

1.2. Bên A cam kết quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất trên là tài sản sở hữu hợp pháp của Bên A. Mọi tranh chấp phát sinh từ tài sản cho thuê trên Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 2. Bàn giao và sử dụng diện tích thuê:

2.1. Thời điểm Bên A bàn giao tài sản thuê vào ngày 1 tháng 3 năm 2025

2.2. Bên B được toàn quyền sử dụng tài sản thuê kể từ thời điểm được Bên A bàn giao từ thời điểm quy định tại Mục 2.1 trên đây.

Điều 3. Thời hạn thuê

3.1. Bên A cam kết cho Bên B thuê tài sản thuê với thời hạn là 3 năm kể từ ngày bàn giao Tài sản thuê;

3.2. Hết thời hạn thuê nêu trên nếu bên B có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì Bên A phải ưu tiên cho Bên B tiếp tục thuê.

Điều 4. Đặc cọc tiền thuê nhà

4.1. Bên B sẽ giao cho Bên A một khoản tiền là 3.000.000 VNĐ (*bằng chữ: ba triệu đồng*) ngay sau khi ký hợp đồng này. Số tiền này là tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng cho thuê nhà.

4.2. Nếu Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thực hiện nghĩa vụ báo trước tới Bên A thì Bên A sẽ không phải hoàn trả lại Bên B số tiền đặt cọc này.

Nếu Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thực hiện nghĩa vụ báo trước tới bên B thì bên A sẽ phải hoàn trả lại Bên B số tiền đặt cọc và phải bồi thường thêm một khoản bằng chính tiền đặt cọc.

4.3. Tiền đặt cọc của Bên B sẽ không được dùng để thanh toán tiền thuê. Nếu Bên B vi phạm Hợp Đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A thì Bên A có quyền khấu trừ tiền đặt cọc để bù đắp các chi phí khắc phục thiệt hại phát sinh. Mức chi phí bù đắp thiệt hại sẽ được Các Bên thống nhất bằng văn bản.

4.4. Vào thời điểm kết thúc thời hạn thuê hoặc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng, Bên A sẽ hoàn lại cho Bên B số tiền đặt cọc sau khi đã khấu trừ khoản tiền chi phí để khắc phục thiệt hại (nếu có).

Điều 5. Tiền thuê nhà:

5.1 Tiền thuê nhà đối với diện tích thuê nêu tại mục 1.1 Điều 1 là: 3.000.000 VNĐ/tháng (Bằng chữ ba triệu đồng chẵn)

5.2 Tiền thuê nhà không bao gồm chi phí khác như tiền điện, nước, vệ sinh... Khoản tiền này sẽ do bên B trả theo khối lượng, công suất sử dụng thực tế của Bên B hàng tháng, được tính theo đơn giá của nhà nước.

Điều 6. Phương thức thanh toán tiền thuê nhà

Tiền thuê nhà được thanh toán theo 01 (một) tháng/lần vào ngày 05 (năm) hàng tháng.

Các chi phí khác được bên B tự thanh toán với các cơ quan, đơn vị có liên quan khi được yêu cầu.

Việc thanh toán tiền thuê nhà được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam theo hình thức trả trực tiếp bằng tiền mặt.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê nhà

7.1. Quyền lợi

- Yêu cầu Bên B thanh toán tiền thuê và chi phí khác đầy đủ, đúng hạn theo thoả thuận trong Hợp Đồng;
- Yêu cầu Bên B phải sửa chữa phần hư hỏng, thiệt hại do lỗi của Bên B gây ra.

7.2. Nghĩa vụ của

- Bàn giao diện tích thuê cho Bên B theo đúng thời gian quy định trong Hợp đồng;
- Đảm bảo việc cho thuê theo Hợp đồng này là đúng quy định của pháp luật;
- Đảm bảo cho Bên B thực hiện quyền sử dụng diện tích thuê một cách độc lập và liên tục trong suốt thời hạn thuê, trừ trường hợp vi phạm pháp luật và/hoặc các quy định của Hợp đồng này.
- Không xâm phạm trái phép đến tài sản của Bên B trong phần diện tích thuê. Nếu Bên A có những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên B trong thời gian thuê thì Bên A phải bồi thường.
- Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo thoả thuận tại Hợp đồng này hoặc/và các văn bản kèm theo Hợp đồng này; hoặc/và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của bên thuê nhà

8.1. Quyền lợi

- Nhận bàn giao diện tích thuê theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng;
- Được sử dụng phần diện tích thuê làm nơi ở và các hoạt động hợp pháp khác;
- Yêu cầu Bên A sửa chữa kịp thời những hư hỏng không phải do lỗi của Bên B trong phần diện tích thuê để bảo đảm an toàn;
- Được tháo dỡ và đem ra khỏi phần diện tích thuê các tài sản, trang thiết bị của Bên B đã lắp đặt trong phần diện tích thuê khi hết thời hạn thuê hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng.

8.2. Nghĩa vụ

- Sử dụng diện tích thuê đúng mục đích đã thỏa thuận, giữ gìn nhà ở và có trách nhiệm trong việc sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra;
- Thanh toán tiền đặt cọc, tiền thuê đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận;
- Trả lại diện tích thuê cho Bên A khi hết thời hạn thuê hoặc chấm dứt Hợp đồng thuê;
- Mọi việc sửa chữa, cải tạo, lắp đặt bổ sung các trang thiết bị làm ảnh hưởng đến kết cấu của căn phòng..., Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A và chỉ được tiến hành các công việc này sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A;
- Tuân thủ một cách chặt chẽ quy định tại Hợp đồng này và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà:

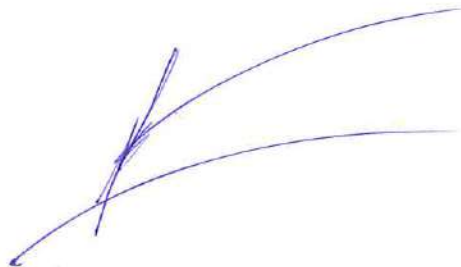
Trong trường hợp một trong Hai Bên muốn đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 (ba mươi) ngày so với ngày mong muốn chấm dứt. Nếu một trong Hai Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo cho Bên kia thì sẽ phải bồi thường cho bên đó một khoản tiền thuê tương đương với thời gian không thông báo và các thiệt hại khác phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng trái quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký kết;

- Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này trên tinh thần hợp tác, thiện chí;
- Mọi sửa đổi, bổ sung đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của mỗi Bên. Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng có giá trị pháp lý như Hợp đồng, là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

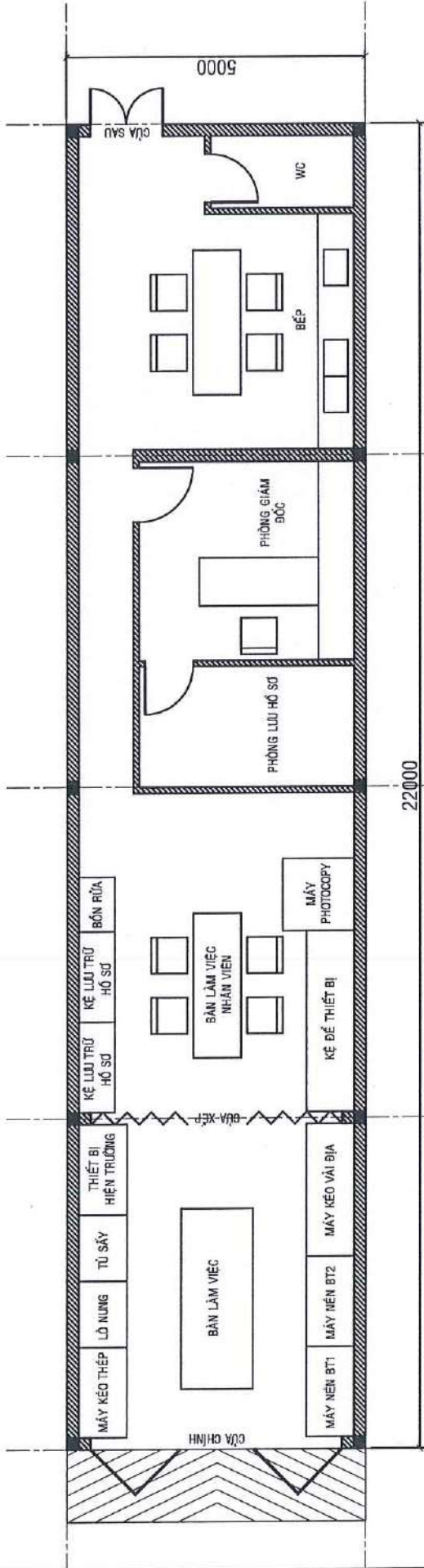
BÊN CHO THUÊ <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i>	BÊN THUÊ <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i>
---	---



Đinh Ngọc Phúc



Mai Duy Ân



MẶT BẰNG PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A

13. SỔ TAY CHẤT LƯỢNG, CÁC QUY TRÌNH : (quy trình lấy mẫu, lưu mẫu, bảo quản và mã hóa mẫu thí nghiệm (việc mã hóa mẫu thí nghiệm không áp dụng với các thí nghiệm tiến hành tại hiện trường; các mẫu đơn lẻ có tính đặc thù trong phòng thí nghiệm); quy trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng; quy trình đào tạo; quy trình quản lý tài liệu kỹ thuật; quy trình quản lý, sử dụng, vận hành máy móc, trang thiết bị thí nghiệm; thủ tục, các biểu mẫu và các tài liệu liên quan).

14. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ)
(Danh mục tiêu chuẩn TCNN đăng ký tách rời kèm theo Tập I,II,III)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

DANH MỤC TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI (TCNN)

Mã số : QT13

Ngày ban hành : 10/01/2026

	Người biên soạn	Người kiểm tra	Người Phê duyệt
Họ tên	Đỗ Văn Tuyển	Nguyễn Thanh Long	Mai Duy Ân
Chức vụ	Thí nghiệm viên	Trưởng Phòng thí nghiệm	Giám Đốc
Ký tên			



TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
I.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1.	Standard Test Method for Fineness of Hydraulic Cement by the 45- μ m (No. 325) Sieve	ASTM C430 – 25	2025	
2.	Standard Method of Test for Fineness of Hydraulic Cement by the 45- μ m (No. 325) Sieve	ASHTO T192 - 23	2023	
3.	Standard Test Method for Density of Hydraulic Cement	ASTM C188 – 25	2025	
4.	Standard Method of Test for Density of Hydraulic Cement	AASHTO T133 - 22	2022	
5.	Standard Test Method for Compressive Strength of Hydraulic Cement Mortars (Using 2-in. or [50-mm] Cube Specimens)	ASTM C109/C109M - 24	2024	
6.	Standard Test Method for Normal Consistency of Hydraulic Cement	ASTM C187 - 23	2023	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
7.	Standard Test Method for Time of Setting of Hydraulic Cement by Vicat Needle	ASTM C191 – 21	2021	
8.	Standard Method of Test for Time of Setting of Hydraulic Cement by Vicat Needle	AASHTO T131 - 23	2023	
9.	Standard Test Methods for Chemical Analysis of Hydraulic Cement	ASTM C114 - 24	2024	
II.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
10.	Standard Practice for Making and Curing Concrete Test Specimens in the Field	ASTM C31/C31M-25a	2025	
11.	Standard Test Method for Slump of Hydraulic-Cement Concrete	ASTM C143/C143M - 20	2020	
12.	Standard Method of Test for Slump of Hydraulic Cement Concrete	AASHTO 119M/T 119 - 23	2023	
13.	Standard Test Method for Density (Unit Weight), Yield, and Air Content (Gravimetric) of Concrete	ASTM C138/138M – 24a	2024	
14.	Standard Method of Test for Density (Unit Weight), Yield, and Air Content (Gravimetric) of Concrete	AASHTO T121M/T 121-24	2024	
15.	Standard Test Method for Density, Absorption, and Voids in Hardened Concrete	ASTM C642 - 21	2021	
16.	Standard Test Method for Compressive Strength of Cylindrical Concrete Specimens	ASTM C39/C39M -24	2024	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
17.	Standard Method of Test for Compressive Strength of Cylindrical Concrete Specimens	AASHTO T22M/T22 - 22	2022	
18.	Standard Test Method for Splitting Tensile Strength of Cylindrical Concrete Specimens	ASTM C496/C496M – 17	2017	
19.	Standard Method of Test for Splitting Tensile Strength of Cylindrical Concrete Specimens	AASHTO T198 - 22	2022	
20.	Testing fresh concrete - Part 1: Sampling and common apparatus	BS EN 12350-1 : 2019	2019	
21.	Testing Fresh Concrete – slump test	BS EN 12350-2 : 2019	2019	
22.	Testing fresh concrete Density	BS EN 12350-6 : 2019	2019	
23.	Testing hardened concrete - Part 3: Compressive strength of test specimens	BS EN 12390-3 : 2019	2019	
24.	Testing hardened concrete. Density of hardened concrete	BS EN 12390-7 : 2019	2019	
III.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GÓC			
25.	Standard Test Method for Sieve Analysis of Fine and Coarse Aggregates	ASTM136/C136M - 25	2025	
26.	Standard Method of Test for Sieve Analysis of Fine and Coarse Aggregates	AASHTO T27 - 24	2024	
27.	Standard Test Method for Density, Relative Density (Specific Gravity), and Absorption of Coarse Aggregate	ASTM C128 – 25 ; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22	2025, 2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
28.	Standard Test Method for Bulk Density ("Unit Weight") and Voids in Aggregate	ASTM C29/C29M-23	2023	
29.	Standard Method of Test for Bulk Density ("Unit Weight") and Voids in Aggregate	AASHTO T19M/T19 - 22	2022	
30.	Standard Test Method for Total Evaporable Moisture Content of Aggregate by Drying	ASTM C566 - 19	2019	
31.	Standard Method of Test for Total Evaporable Moisture Content of Aggregate by Drying	ASHTO T255 - 22	2022	
32.	Standard Test Method for Clay Lumps and Friable Particles in Aggregates	ASTM C142/C142M-17(2023)	2023	
33.	Standard Method of Test for Clay Lumps and Friable Particles in Aggregate	AASHTO T112- 23	2023	
34.	Standard Test Method for Organic Impurities in Fine Aggregates for Concrete	ASTM C40/C40M - 20	2020	
35.	Standard Method of Test for Organic Impurities in Fine Aggregates for Concrete	AASHTO T21M/T21 - 20	2020	
36.	Standard Test Method for Unconfined Compressive Strength of Intact Rock Core Specimens	ASTM D7012 - 23	2023	
37.	Standard Test Method for Resistance to Degradation of Large-Size Coarse Aggregate by Abrasion and Impact in the Los Angeles Machine	ASTM C131/C131M - 20	2020	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
38.	Standard Method of Test for Resistance to Degradation of Small-Size Coarse Aggregate by Abrasion and Impact in the Los Angeles Machine	AASHTO T96 -22	2022	
39.	Standard Test Method for Flat Particles, Elongated Particles, or Flat and Elongated Particles in Coarse Aggregate	ASTM D4791 – 19(2023)	2023	
40.	Standard Test Method for Sand Equivalent Value of Soil sand Fine Aggregate	ASTM D2419-22	2022	
41.	Standard Test Method for Soundness of Aggregates by Use of Sodium Sulfate or Magnesium Sulfate	ASTM C88/C88M – 24	2024	
42.	Standard Method of Test for Soundness of Aggregate by Use of Sodium Sulfate or Magnesium Sulfate	AASHTO T104 - 22	2022	
43.	Standard Method of Test for Plastic Fines in Graded Aggregates and Soils by Use of the Sand Equivalent Test	AASHTO T176 -22	2022	
44.	Standard Test Method for Lightweight Particles in Aggregate	ASTM C123/C123M - 23	2023	
45.	Standard Method of Test for Lightweight Pieces in Aggregate	AASHTO T113- 25	2025	
46.	Standard Test Method for Materials Finer than 75- μ m (No. 200) Sieve in Mineral Aggregates by Washing	ASTM C117 – 23	2023	
47.	Standard Test Method for Materials Finer than 75- μ m (No. 200) Sieve in Mineral Aggregates	AASHTO T11 - 24	2024	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	by Washing			
48.	Determination of particle size distribution sieving method	BS EN 933 -1 : 2012	2012	
49.	Tests for geometrical properties of aggregates Part 3: Determination of particle shape — Flakiness index	BS EN 933 -3 : 2012	2012	
50.	Tests for geometrical properties of aggregates Part4:Determination of particle shape—Shape index	BS EN 933 -4 : 2009	2009	
51.	Determination of loose bulk density and voids	BS EN 1097 -3 : 1998	1998	
52.	Tests for mechanical and physical properties of aggregates Determination of particle density and water absorption	BS EN 1097 -6 : 2008	2008	
IV.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG			
53.	Standard Test Methods for Specific Gravity of Soil Solids by the Water Displacement Method	ASTM D854 - 23	2023	
54.	Standard Method of Test for Specific Gravity of Soils	AASHTO T100 -22	2022	
55.	Standard test method for laboratory determination of water (moisture) content of soil and rock	ASTM D2216 - 19	2019	
56.	Standard Method of Test for Laboratory Determination of Moisture Content of Soils	AASHTO T265 - 22	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
57.	Standard Test Methods for Liquid Limit, Plastic Limit, and Plasticity Index of Soils	ASTM D4318-17e1	2017	
58.	Standard Method of Test for Determining the Liquid Limit of Soils	AASHTO T89-22	2022	
59.	Standard Method of Test for Determining the Plastic Limit and Plasticity Index of Soils	AASHTO T90-22	2022	
60.	Standard Test Methods for particle size analysis of soils	AASHTO T88 - 22	2022	
61.	Standard test methods for laboratory determination of density (unit weight) of soil specimens	ASTM D7263 - 21	2021	
62.	Standard Test Method for CBR (California Bearing Ratio) of Soils in Place	AASHTO T193 - 22	2022	
63.	Standard Method of Test for Moisture-Density Relations of Soils Using a 2.5-kg (5.5-lb) Rammer and a 305-mm (12-in.) Drop	AASHTO T99 - 22	2022	
64.	Standard Method of Test for Moisture-Density Relations of Soils Using a 4.54-kg (10-lb) Rammer and a 457-mm (18-in.) Drop	AASHTO T180 - 22	2022	
65.	Standard Test Methods for Moisture, Ash, and Organic Matter of Peat and Other Organic Soils	AASHTO T267 -22	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
66.	Standard Test Methods for Determining the Water (Moisture) Content, Ash Content, and Organic Material of Peat and Other Organic Soils	ASTM D2974-25	2025	
V.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN			
67.	Standard Test Methods and Definitions for Mechanical Testing of Steel Products	ASTM A370 – 24a	2024	
68.	Metallic materials-Tensile testing - Method of test at room temperature	JIS Z 2241- 2022	2022	
69.	Metallic Materials - Bend Test	JIS Z 2248- 2022	2022	
70.	Standard Test Methods for Tension Testing of Metallic Materials	ASTM E8/E8M-24	2024	
71.	Standard Test Methods for Bend Testing of Material for Ductility	ASTM E290 -22	2022	
72.	Standard Method of Test for Tension Testing of Metallic Materials	AASHTO T68M/T68 - 09	2009	
73.	Standard Test Method for Guided Bend Test for Ductility of Welds	ASTM E190 - 21	2021	
74.	Standard Test Methods for Determining the Mechanical Properties of Externally and Internally Threaded Fasteners, Washers, and Rivets	ASTM F606/F606M-25	2025	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
VI.	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY, VỮA RÓT KHÔNG CO NGÓT, VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC			
75.	Standard Test Method for Time of Setting of Grouts for Preplaced-Aggregate Concrete in the Laboratory	ASTM C953-24	2024	
76.	Standard Test Method for Compressive Strength of Hydraulic Cement Mortars (Using 2-in. or [50-mm] Cube Specimens	ASTM C109/C109M - 24	2024	
77.	Standard Test Method for Compressive Strength of Grouts for Preplaced-Aggregate Concrete in the Laboratory	ASTM C942/C942M-21	2021	
78.	Standard Test Method for Flexural Strength of Hydraulic-Cement Mortars	ASTM C348-21	2021	
79.	Standard Test Method for Compressive Strength of Hydraulic-Cement Mortars	ASTM C349-24	2024	
80.	Standard Method of Test for Compressive Strength of Hydraulic Cement Mortar	AASHTO T 106M/T 106 -22	2022	
VII.	THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
81.	Standard Test Methods for pH of Water	ASTM D1293 - 18	2018	
82.	Standard Test Method for Sulfate Ion in Water	ASTM D516 - 22	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
VIII.	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
83.	Standard Test Method for Density of Soil in Place by the Drive-Cylinder Method	ASTM D2937 - 24	2024	
84.	Standard Test Method for Density and Unit Weight of Soil in Place by the Sand-Cone Method	AASHTO T191-14(2022)	2022	
85.	Standard Test Method for Density and Unit Weight of Soil in Place by Sand-Cone Method	ASTM D1556/D1556M-24	2024	
86.	Standard Test Method for Measuring Pavement Macrottexture Depth Using a Volumetric Technique	ASTM E965-15(2024)	2024	
87.	Standard Test Method for Rebound Number of Hardened Concrete	ASTM C805/C805M - 25	2025	
88.	Standard Test Methods for Deep Foundation Elements Under Static Axial Compressive Load	ASTM D1143/D1143M-20e1	2020	
89.	Standard Test Method for Obtaining and Testing Drilled Cores and Sawed Beams of Concrete	ASTM C42/C42M - 20	2020	
IX.	THỬ NGHIỆM BITUM (NHỰA ĐƯỜNG), NHỰA ĐƯỜNG POLYME			
90.	Standard Practice for Sampling Bituminous Materials	ASTM D140/D140M-16(2023)	2023	
91.	Standard Test Method for	ASTM D5/D5M -20	2020	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	Penetration of Bituminous Materials			
92.	Standard Test Method for Ductility of Bituminous Materials	ASTM D113/D113M-17(2023)e1	2023	
93.	Standard Method of Test for Ductility of Asphalt Materials	AASHTO T51 - 22	2022	
94.	Standard Test Method for Softening Point of Bitumen (Ring-and-Ball Apparatus)	ASTM D36/D36M-14(2020)	2020	
95.	Standard Method of Test for Softening Point of Bitumen (Ring-and-Ball Apparatus)	AASHTO T53 - 22	2022	
96.	Standard Test Method for Flash and Fire Points by Cleveland Open Cup Tester	ASTM D92 - 24	2024	
97.	Standard Test Method for Flash Point of Cutback Asphalt with Tag Open-Cup Apparatus	ASTM D3143/D3143M-19	2019	
98.	Standard Method of Test for Flash Point of Asphalt Binder by Cleveland Open Cup	AASHTO T48 – 22	2022	
99.	Standard Test Method for Loss on Heating of Oil and Asphaltic Compounds	ASTM D6/D6M-95(2024)	2024	
100.	Standard Test Method for Solubility of Asphalt Materials in Trichloroethylene	ASTM D2042 – 22	2022	
101.	Standard Method of Test for	AASHTO T44 - 23	2023	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	Solubility of Bituminous Materials			
102.	Standard Test Method for Density of Semi-Solid Bituminous Materials (Pycnometer Method)	ASTM D70/D70M- 21	2021	
103.	Standard Test Method for Solubility of Asphalt Materials in N-Propyl Bromide	ASTM D7553-15(2021)	2021	
104.	Standard Practice for Effect of Water on Bituminous-Coated Aggregate Using Boiling Water	ASTM D3625/D3625M-20(2024)	2024	
X.	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
105.	Standard Method of Test for Resistance to Plastic Flow of Asphalt Mixtures Using Marshall Apparatus	AASHTO T245 – 22	2022	
106.	Standard Test Method for Marshall Stability and Flow of Asphalt Mixtures	ASTM D6927-22	2022	
107.	Standard Method of Test for Quantitative Extraction of Asphalt Binder from Asphalt Mixtures	AASHTO T164 - 24	2024	
108.	Standard Test Methods for Quantitative Extraction of Asphalt Binder from Asphalt Mixtures	ASTM D2172/D2172M-24	2024	
109.	Standard Test Method for Sieve Analysis of Fine and Coarse Aggregates	AASHTO T27 - 24	2024	
110.	Standard Test Method for Sieve Analysis of Fine and Coarse	ASTM C136/C136M - 19	2029	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	Aggregates			
111.	Standard Method of Test for Theoretical Maximum Specific Gravity (Gmm) and Density of Asphalt Mixtures	AASHTO T209 - 23	2023	
112.	Standard Test Method for Theoretical Maximum Specific Gravity and Density of Asphalt Mixtures	ASTM D2041/D2041M - 19	2019	
113.	Standard Test Method for Bulk Specific Gravity and Density of Non-Absorptive Compacted Bituminous Mixtures	AASHTO T166 - 24	2024	
114.	Standard Test Method for Bulk Specific Gravity and Density of Non-Absorptive Compacted Asphalt Mixtures	ASTM D2726/D2726M- 21	2021	
115.	Standard Test Method for Determination of Draindown Characteristics in Uncompacted Asphalt Mixtures	ASTM D6390-23	2023	
116.	Standard Method of Test for Determination of Draindown Characteristics in Uncompacted Asphalt Mixtures	AASHTO T305-22	2022	
117.	Standard Method of Test for Uncompacted Void Content of Fine Aggregate	AASHTO T304-22	2022	
118.	Standard Test Method for Percent Air Voids in Compacted Dense and Open Bituminous Paving Mixtures	AASHTO T269-24	2024	
119.	Standard Test Method for Percent Air Voids in Compacted Asphalt	ASTM D3203 - 22	2022	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 3A**

Địa chỉ trụ sở chính : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Địa chỉ phòng thí nghiệm : 38/461 Đường 21 tháng 4 , Khu phố 2, Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0969.342.107 – MST :2001337296

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN	Năm BH	Soát xét
	Mixtures			
XI.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
120.	Standard Method of Test for Sieve Analysis of Mineral Filler for Asphalt Mixtures	AASHTO T37-07(2020)	2020	
121.	Standard Method of Test for Specific Gravity of Soils	AASHTO T100-22	2022	
XII.	THỬ NGHIỆM CỌC BÊ TÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC			
122.	Precast prestressed concrete products	JIS A5373 : 2016	2016	